

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CHU THỊ BÍCH HUỆ**

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
CHO PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ  
HUYỆN VĨNH NHA, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**THÁI NGUYÊN - 2017**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CHU THỊ BÍCH HUỆ**

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
CHO PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ  
HUYỆN VĨNH NHA, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục**

**Mã số: 60.14.01.14**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. HÀ THỊ KIM LINH**

**THÁI NGUYÊN - 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**Tác giả luận văn**

*Chu Thị Bích Huệ*

## LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Hà Thị Kim Linh, người đã tận tình giúp đỡ tác giả hoàn thành luận văn này.

Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các thầy giáo, cô giáo - những người đã trực tiếp giúp tác giả nâng cao kiến thức quản lý trong thời gian theo học chương trình Thạc sỹ Quản lý Giáo dục khóa 23 (2015 - 2017) tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; cảm ơn các cơ quan, đơn vị, địa phương đã cung cấp nhiều thông tin và tư liệu quý giá cho luận văn.

Sau cùng, tôi xin cảm ơn gia đình, người thân, đồng nghiệp và các học viên cao học Quản lý Giáo dục khóa 23 đã động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và làm luận văn.

*Thái Nguyên, ngày 13 tháng 7 năm 2017*

**Tác giả luận văn**

**Chu Thị Bích Huệ**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC .....	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Mục đích nghiên cứu .....	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....	3
4. Giả thuyết khoa học .....	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
6. Phạm vi nghiên cứu .....	4
7. Phương pháp nghiên cứu.....	4
8. Cấu trúc của đề tài .....	5
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ</b> .....	6
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu.....	6
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài .....	6
1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước.....	9
1.2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài.....	12
1.2.1. Pháp luật .....	12
1.2.2. Giáo dục pháp luật.....	12
1.2.3. Giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số .....	17
1.2.4. Quản lý giáo dục pháp luật .....	18
1.3. Một số vấn đề về giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS .....	22
1.3.1. Đặc điểm của phụ nữ vùng DTTS .....	22
1.3.2. Giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS .....	25

1.4. Quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS .....	33
1.4.1. Mục tiêu quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS .....	33
1.4.2. Nội dung quản lý giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS.....	33
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc QL GDPL cho phụ nữ vùng DTTS .....	42
1.5.1. Phong tục tập quán địa phương .....	42
1.5.2. Điều kiện kinh tế - xã hội địa phương .....	43
1.5.3. Cơ chế chính sách đối với phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.....	44
1.5.4. Trình độ dân trí.....	46
1.5.5. Năng lực cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật .....	46
Kết luận chương 1.....	48
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO</b>	
<b>PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN VÕ NHAI,</b>	
<b>TỈNH THÁI NGUYÊN.....</b>	
2.1. Khái quát địa bàn khảo sát và tổ chức khảo sát thực trạng .....	49
2.1.1. Khái quát về địa bàn khảo sát.....	49
2.1.2. Khái quát về GDPL cho PN vùng DTTS của huyện Võ Nhai .....	51
2.1.3. Tổ chức khảo sát thực trạng .....	54
2.2. Thực trạng GDPL cho PN vùng DTTS của huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên....	55
2.2.1. Cơ quan, đơn vị tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật .....	55
2.2.2. Thực trạng về năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL cho PN vùng DTTS .....	57
2.2.3. Thực trạng nội dung GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.....	58
2.2.4. Thực trạng phương pháp, hình thức GDPL cho PN vùng DTTS.....	63
2.3. Thực trạng quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS .....	65
2.3.1. Nhận thức về quản lý GDPL cho PN vùng DTTS ở huyện Võ Nhai.....	65
2.3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch GDPL cho phụ nữ vùng DTTS huyện Võ Nhai.....	66
2.3.3. Thực trạng tổ chức, chỉ đạo triển khai GDPL cho phụ nữ vùng DTTS ở huyện Võ Nhai.....	68

2.3.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS huyện Võ Nhai.....	69
2.3.5. Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.....	71
2.4. Đánh giá chung.....	72
2.4.1. Về ưu điểm.....	72
2.4.2. Về hạn chế.....	72
Kết luận chương 2.....	73
<b>Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN.....</b>	<b>74</b>
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.....	74
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích.....	74
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và đồng bộ.....	74
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa.....	75
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi.....	75
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với đối tượng.....	76
3.2. Biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai.....	76
3.2.1. Nâng cao nhận thức về QL GDPL cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp.....	76
3.2.2. Bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL.....	77
3.2.3. Hoàn thiện các điều kiện pháp lý phục vụ công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.....	79
3.2.4. Phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS.....	80
3.2.5. Xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng GDPL cho PN vùng dân tộc thiểu số.....	83

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp .....	85
3.4. Khảo nghiệm sự phạm .....	86
3.4.1. Cách thức tiến hành .....	86
3.4.2. Phân tích kết quả khảo nghiệm.....	88
Kết luận chương 3.....	89
1. Kết luận.....	90
2. Khuyến nghị.....	91
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>92</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>96</b>



## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

DTTS	:	Dân tộc thiểu số
GDPL	:	Giáo dục pháp luật
LHPN	:	Liên hiệp phụ nữ
LLGD	:	Lực lượng giáo dục
PBGDPL	:	Phổ biến giáo dục pháp luật
PL	:	Pháp luật
PN	:	Phụ nữ
QL	:	Quản lý
QLGD	:	Quản lý giáo dục
QLNN	:	Quản lý nhà nước
QPPL	:	Quy phạm pháp luật
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1:	Thực trạng cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS .....	55
Bảng 2.2:	Thực trạng hình thức GDPL cho phụ nữ tại địa phương .....	56
Bảng 2.3:	Thực trạng nhu cầu về nội dung giáo dục kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS .....	59
Bảng 2.4:	Thực trạng nội dung kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS .....	61
Bảng 2.5:	Thực trạng nhu cầu của phụ nữ vùng DTTS về kiến thức pháp luật ...	62
Bảng 2.6:	Thực trạng hình thức GDPL phụ nữ vùng DTTS.....	64
Bảng 2.7:	Nhận thức của cán bộ quản lý về quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS...	65
Bảng 2.8:	Quản lý xây dựng kế hoạch GDPL cho phụ nữ vùng DTTS .....	67
Bảng 2.9:	Quản lý tổ chức, chỉ đạo triển khai nội dung GDPL cho PN vùng DTTS .....	68
Bảng 2.10:	Quản lý hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS .....	69
Bảng 2.11:	Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDPL cho phụ nữ vùng DTTS ....	70
Bảng 2.12:	Thực trạng yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.....	71
Bảng 3.1:	Đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số .....	87

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã quan tâm và tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần chuyển biến nhận thức về pháp luật của phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, thể hiện ở một số điểm sau: Nhận thức pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ vùng sâu, vùng xa còn thấp và không đồng đều. Một bộ phận không nhỏ phụ nữ vùng dân tộc thiểu số vẫn chưa nhận thức đúng và coi trọng vai trò pháp luật. Nhận thức về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số của các cơ quan quản lý nhà nước, của cán bộ làm công tác này chưa cao; vị trí, vai trò của công tác này chưa được coi trọng đúng mức. Nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chưa phù hợp với từng địa bàn và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Đội ngũ làm công tác giáo dục pháp luật còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, thường kiêm nhiệm. Cơ sở, vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Chưa có cơ chế phối hợp giữa cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị đặc biệt là ở cấp cơ sở trong việc phổ biến giáo dục pháp luật người dân. Vai trò của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật các cấp chưa được phát huy đầy đủ. Công tác quản lý tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được quan tâm đúng mức.

Tình hình nêu trên đòi hỏi Nhà nước, các cơ quan hữu quan ở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải tăng cường hơn nữa công tác GDPL cho PN vùng

DTTS trên địa bàn, trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật để giúp họ nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, biết sử dụng pháp luật như là một phương tiện quan trọng để giải quyết những sự kiện, công việc có liên quan đến pháp luật, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của bản thân, gia đình và cộng đồng. *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật* số 14/2012/QH13 đã quy định về PBGDPL cho nhân dân ở vùng DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo... [19, Đ. 17]. Điều đó nói lên sự quan tâm thiết thực của Đảng, Nhà nước ta đối với đồng bào DTTS, trong đó có PN vùng DTTS. Vấn đề quan trọng hơn đang được đặt ra là *cần có những biện pháp* để đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GDPL cho PN vùng DTTS, đi vào thực tiễn cuộc sống, nâng cao hiểu biết pháp luật cho họ.

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, nơi cư trú của nhiều dân tộc anh em như: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán chỉ,... Tỉnh có diện tích tự nhiên 3533,19km<sup>2</sup>, dân số gần 1,2 triệu người với 9 đơn vị hành chính (gồm 2 thành phố, 1 thị xã và 6 huyện); trong đó Võ Nhai là huyện vùng cao duy nhất của tỉnh, có nền kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí chưa cao, các lĩnh vực văn hóa xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận khá lớn phụ nữ, đặc biệt là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số không quan tâm hoặc hiểu biết rất ít các quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến phụ nữ.

Để phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trong toàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên hiểu và làm đúng các quy định của pháp luật, nhất là các quy định liên quan trực tiếp đến phụ nữ để tự bảo vệ mình và gia đình khi quyền lợi đó bị xâm phạm, đòi hỏi các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương phải có sự quan tâm nhất định. Đồng thời, để nâng cao chất lượng GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai, cần có một công trình nghiên cứu nghiêm túc, có hệ thống để tìm ra các biện pháp giúp huyện Võ Nhai quản lý tốt công tác giáo dục pháp luật đặc biệt là giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã xác định rõ chức năng

của Hội là: *Đại diện, bảo vệ quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước; Đoàn kết, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động, tổ chức hướng dẫn phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa* [6, tr.1]. Xuất phát từ những lý do đó tôi lựa chọn đề tài **“Quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên”** làm đề tài luận văn Thạc sĩ quản lý giáo dục.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS, đề tài đề xuất biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của PN vùng DTTS huyện Võ Nhai nói riêng, chất lượng giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Phụ nữ vùng DTTS hạn chế nhiều về kiến thức pháp luật do đó việc trang bị cho họ những kiến thức pháp luật là cần thiết để họ có thể sống và làm việc theo pháp luật cũng như biết cách bảo vệ bản thân. Quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS ở cấp chính quyền địa phương còn nhiều bất cập nếu đề xuất các biện pháp quản lý GDPL cho PN vùng DTTS phù hợp với tình hình thực tế của địa phương thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo

dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số tại huyện Võ Nhai trong những năm tiếp theo.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận về quản lý GDPL cho PN vùng DTTS;

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

5.3. Đề xuất biện pháp quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

## **6. Phạm vi nghiên cứu**

### **6.1. Giới hạn nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số của huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (tập trung nghiên cứu quản lý nội dung giáo dục của một số Luật liên quan đến phụ nữ như: Luật Hôn nhân gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự, Hiến pháp năm 2013,...).

### **6.2. Địa bàn nghiên cứu**

Tổ chức khảo sát thực trạng quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số ở 11 xã vùng cao huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (xã Liên Minh, Tràng Xá, Dân Tiến, Bình Long, Phương Giao, Cúc Đường, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thượng Nung, Thần Sa).

### **6.3. Phạm vi thời gian nghiên cứu**

Đề tài sử dụng số liệu thống kê trong vòng 5 năm gần đây (2013-2017);

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### **7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận, gồm:**

Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa, hệ thống hóa các tài liệu có liên quan như: các văn kiện của Đảng, các văn bản pháp quy của Nhà nước, của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay; các giáo trình, sách báo, các công trình sản phẩm có liên quan...

## ***7.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

Phương pháp điều tra (điều tra bằng bảng hỏi) các nhóm đối tượng: Cán bộ quản lý Hội LHPN huyện (Chủ tịch và các phó Chủ tịch Hội LHPN huyện), cán bộ chuyên trách Hội LHPN huyện; cán bộ quản lý Hội LHPN xã (Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội LHPN xã); cán bộ quản lý chủ chốt của xã (Bí thư đảng ủy, Chủ tịch UBND); cán bộ quản lý ngành liên quan...; phụ nữ vùng dân tộc thiểu số tại các xã huyện Võ Nhai (trừ thị trấn Đình Cả và các xã: La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng), mỗi xã 10 phụ nữ.

Phương pháp khảo nghiệm khẳng định tính khả thi của các biện pháp được đề xuất.

## ***7.3. Nhóm các phương pháp bổ trợ***

Phương pháp thống kê toán học.

Sử dụng phần mềm để xử lý số liệu, lập bảng biểu, sơ đồ.

## **8. Cấu trúc của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, nội dung đề tài gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lí luận quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số;

Chương 2. Thực trạng quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

Chương 3. Biện pháp quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

# Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

### 1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

#### 1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Giáo dục pháp luật là một trong những nội dung quan trọng của khoa học Lý luận về Nhà nước và pháp luật nên nhận được sự quan tâm nghiên cứu các nhà khoa học, tác giả tại các nước trên thế giới, đặc biệt là tại Liên Xô trước đây và Liên bang Nga hiện nay. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu liên quan đến giáo dục pháp luật, như:

N. I. Matuzova, A. V. Maluko, *Lý luận nhà nước và pháp luật* [43]. Trong cuốn giáo trình này, trong số 34 chuyên đề bàn sâu về các vấn đề lý luận nhà nước và pháp luật, các tác giả cuốn sách dành chuyên đề số 28 để luận bàn, phân tích về vấn đề ý thức pháp luật và GDPL. Theo các tác giả, GDPL là hoạt động có chủ đích của nhà nước, các tổ chức xã hội và mỗi công dân nhằm truyền đạt các kinh nghiệm pháp luật; sự tác động có hệ thống lên ý thức và hành vi của con người nhằm làm hình thành quan niệm, định hướng giá trị, cách nhìn nhận tích cực, bảo đảm cho việc thực hiện và sử dụng pháp luật. GDPL trang bị cho mọi người những hiểu biết về nhà nước và pháp luật, về các đạo luật, các quyền tự do, dân chủ của mỗi cá nhân, định hướng cho công dân thực hiện những hành vi pháp luật hợp pháp. Các thành tố của GDPL bao gồm chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL.

Lý luận nhà nước và pháp luật, Giáo dục pháp luật ở Liên bang Nga, Tập thể tác giả [42]. Trong công trình này, dưới tiêu đề “Khái niệm giáo dục pháp luật và ý thức pháp luật, ý nghĩa của chúng trong xã hội hiện đại”, các tác giả đã tập trung bàn sâu về khái niệm GDPL trên cơ sở những định nghĩa GDPL được đưa ra bởi những nhà nghiên cứu khác nhau. Chẳng hạn, “GDPL là sự tác động có định hướng, có tổ chức, mang tính hệ thống lên các cá nhân nhằm làm hình



thành ý thức pháp luật, tri thức pháp luật, thói quen, hành vi xử sự tích cực theo pháp luật, văn hóa pháp luật” (T.I. Akimova); hoặc “GDPL có thể định nghĩa như là một hệ thống các biện pháp định hướng làm hình thành tư tưởng pháp luật, các nguyên tắc, chuẩn mực pháp luật - những nhân tố làm nên các giá trị văn hóa pháp luật của dân tộc và nhân loại” (K.V. Naumenkova)...

Từ sự khái quát rằng mỗi định nghĩa đưa ra đều chứa đựng góc nhìn chủ quan của mỗi tác giả, nhưng không phải tất cả họ đều thống nhất cách hiểu về tính cấp thiết phải tạo dựng trong con người tư tưởng pháp luật, sự tôn trọng pháp luật; các tác giả đi đến kết luận: “GDPL là làm hình thành quan hệ/cách xử sự tôn trọng pháp luật, coi pháp luật như một giá trị xã hội lớn lao, có liên quan mật thiết đến mỗi cá nhân; phát triển tình cảm trách nhiệm, tính thần không khoan nhượng với thói chuyên quyền, nạn tham nhũng”.

Strelaieva V.V., *Giáo dục pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền* [44]. Nội dung luận án này gồm 2 chương, 7 tiết. Nội dung chương 1 tác giả luận án bàn về cơ sở lý luận của GDPL với 03 tiết: 1) Bản chất, phân loại GDPL; 2) Cấu trúc của GDPL và 3) Chức năng của GDPL. Theo tác giả, bản chất của GDPL là quá trình định vị một cách bền vững những nguyên tắc, tư tưởng pháp luật vào trong ý thức pháp luật của đối tượng được giáo dục. Chương 2 luận án với tiêu đề “Khía cạnh tổ chức GDPL trong xã hội Nga đương đại” gồm 4 tiết được dành để bàn về 1) Hệ thống xã hội hóa GDPL trong xã hội Nga đương đại; 2) GDPL trong tiếp cận với các nhóm xã hội khác nhau; 3) GDPL trong hệ thống định hướng nghề nghiệp cho các luật gia hiện nay; 4) Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục lại về pháp luật. Theo tác giả, giáo dục lại về pháp luật là một quá trình phức tạp hơn, bởi nó hướng tới khắc phục những phán đoán, đánh giá sai lầm của cá nhân, nhằm tới sửa chữa các hành vi xử sự tiêu cực, ảnh hưởng bất lợi đối với con người.

Ngoài ra, có thể kể thêm một số công trình nghiên cứu có cùng chủ đề GDPL, như: Babaieva V.K., *Tập bài giảng Lý luận chung về pháp luật* [40];

Krugina I.A., *Văn hóa pháp luật, giáo dục pháp luật và quản lý quá trình giáo dục pháp luật trong xã hội Nga hiện nay* [39]; Pochtar T.M., *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học sư phạm: những vấn đề phương pháp luận và phương pháp* [41]... Các công trình nghiên cứu khoa học trên đây ở những mức độ khác nhau đã đề cập, bàn luận về khái niệm, bản chất của GDPL, các yếu tố cấu thành GDPL; về vấn đề quản lý GDPL ở nước Nga hiện nay.

Bên cạnh đó có các công trình nghiên cứu về pháp luật cho đối tượng cụ thể, cũng được các tác giả ở nước ngoài quan tâm như:

Inpeng Younkham, *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Bolykhamstay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào* [13]. Cơ cấu dân tộc của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có 68 bộ tộc, chia làm 3 hệ chính là Lào Lùm chiếm 65% dân số; Lào Thâng chiếm 22% và Lào Xung chiếm 13% dân số; ngôn ngữ Lào gồm 04 nhóm ngôn ngữ... Từ thực tế đó, tác giả khẳng định việc GDPL cho đồng bào các DTTS, trong đó có các DTTS ở tỉnh Bolikhamsay, là công việc có vai trò rất quan trọng nhằm trang bị cho đồng bào các DTTS của Lào những kiến thức, hiểu biết pháp luật, hình thành ý thức chấp hành pháp luật. Luận văn đã tập trung phân tích cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS của Lào; đánh giá những thành tựu, hạn chế của công tác GDPL cho đồng bào DTTS ở tỉnh Bolikhamsay, nêu lên các quan điểm và lập luận những giải pháp bảo đảm nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào DTTS ở tỉnh Bolikhamsay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Khamhieng Phomemasith, *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức ở tỉnh Phong Sa Lý nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào* [14]. Luận văn có kết cấu gồm 3 chương. Chương 1 phân tích cơ sở lý luận về GDPL cho CBCC ở tỉnh thuộc nước Lào, gồm các vấn đề: khái niệm, chủ thể, đối tượng, vai trò, nội dung, hình thức và phương pháp GDPL cho CBCC. Nội dung chương 2 tập trung đánh giá thực trạng GDPL cho CBCC ở tỉnh Phong Sa Lý trên phương diện ưu điểm, hạn chế của công tác này và chỉ ra nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó. Trên cơ

sở lý luận và thực trạng GDPL cho CBCC ở tỉnh Phong Sa Lý, ở chương 3 tác giả nêu lên các quan điểm và luận chứng các giải pháp, kiến nghị tăng cường GDPL cho CBCC ở tỉnh Phong Sa Lý nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

### ***1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước***

Vấn đề phổ biến, giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật cho người dân luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Bộ Tư pháp đã xây dựng các đề án, chương trình GDPL cho phù hợp với từng đối tượng. Trong nhiều năm qua, công tác GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số được triển khai rộng rãi dưới nhiều hình thức và đã mang lại những kết quả tích cực.

Giáo dục pháp luật là một vấn đề mang tính cấp thiết ở nước ta trong giai đoạn hiện nay; đã và đang được các nhà khoa học pháp lý quan tâm. Nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực này đã được công bố, gồm: Những nghiên cứu giáo dục pháp luật đối với các đối tượng cụ thể nhằm lý giải những đặc thù và tìm kiếm các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho từng đối tượng, như: "*Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính nhà nước hiện nay*", Luận án tiến sĩ của Lê Đình Khiên, 1993; "*Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*", Đào Trí Úc chủ biên, Hà Nội, 1995 [26], Đề tài là một tập hợp các chuyên đề bàn sâu về ý thức pháp luật, lối sống theo pháp luật và các giải pháp xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật. Một trong số những giải pháp đó là phải tăng cường công tác GDPL cho các tầng lớp xã hội, bao gồm cả đội ngũ CBCC nhà nước và các tầng lớp nhân dân;

"*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*", của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 1998 [32], theo các tác giả, công cuộc đổi mới toàn diện các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã và đang đặt ra cho những yêu cầu phải tăng cường công tác tổng kết lý luận và thực tiễn trên các lĩnh vực phục vụ công cuộc đổi mới. Công tác GDPL ở nước ta cũng không

nằm ngoài yêu cầu trên. Từ việc trình bày, phân tích quan niệm về GDPL, các thành tố cơ bản của GDPL, đánh giá thực tiễn công tác GDPL cho cán bộ, nhân dân ở nước ta trong những năm qua, chỉ ra những mặt tích cực và cả những điểm hạn chế của công tác này, các tác giả đã nêu lên những kiến nghị, giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác GDPL trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam;

*"Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp - hình thức đặc thù của giáo dục pháp luật"*, Luận án tiến sĩ của Dương Thanh Mai, 1996 [16], Luận án tập trung bàn luận sâu về hình thức GDPL đặc thù là GDPL thông qua hoạt động tư pháp, dựa trên thực tiễn hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Xuất phát từ chỗ, trên diễn đàn khoa học pháp lý hiện nay, khái niệm GDPL vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất, tác giả luận án đã tổng kết, khái quát ở ba quan niệm cơ bản sau: quan niệm thứ nhất không thừa nhận GDPL; quan niệm thứ hai xem nhẹ vai trò của GDPL; quan niệm thứ ba lại đơn giản hóa, cho rằng, GDPL được lồng ghép trong tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật. Trên cơ sở đó, tác giả bàn sâu về các giải pháp cụ thể phát huy hiệu quả GDPL thông qua hoạt động tư pháp bằng thực tiễn của Tòa án và luật sư.

Những nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về giáo dục pháp luật, gồm khái niệm, mục đích, đối tượng, nội dung, hình thức của giáo dục pháp luật, như: *"Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996; *"Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay"*, Luận án tiến sĩ Luật học của Đinh Xuân Thảo, 1996 [22], Luận án này đã đi sâu nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về GDPL trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề từ góc độ đánh giá, phân tích thực trạng, rút ra những bài học kinh nghiệm làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn công tác này;

Ngoài ra, có thể kể thêm công trình nghiên cứu khác, như: "*Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật ở nước ta - Thực trạng và giải pháp*", Luận văn thạc sĩ của Hồ Quốc Dũng, 1997; "*Một số vấn đề về giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*", của Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp, Nxb Thanh niên, 1997; "*Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay*", Đề tài khoa học cấp Bộ, Khoa Nhà nước pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 1999; "*Giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở nước ta hiện nay*", Luận văn thạc sĩ của Phạm Thị Minh Ngọc, 2012...

Đối với công tác phụ nữ, ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn, đề ra những giải pháp quản lý trong lĩnh vực nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức và các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế. Có thể kể đến luận văn với đề tài: "*Nâng cao năng lực cán bộ Trung ương Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015*" (năm 2006) của Trung ương Hội LHPN Việt Nam; Luận văn thạc sĩ với đề tài "*Vai trò của phụ nữ nông thôn trong phát triển kinh tế hộ tại huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên*" của tác giả Vương Thị Vân (năm 2009); Luận văn thạc sĩ với đề tài "*Quản lý hoạt động bồi dưỡng cho cán bộ Hội LHPN cấp cơ sở ở tỉnh Thái Nguyên*" của tác giả Trần Thị Thu Hạnh (năm 2012); Luận văn thạc sĩ với đề tài "*Vai trò của phụ nữ nông thôn trong phát triển kinh tế hộ gia đình ở huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên*" của tác giả Hứa Thị Châu Giang (năm 2013).

Các công trình nói trên đã nêu ra nhiều vấn đề rất cơ bản cả về lý luận và thực tiễn trong hoạt động giáo dục pháp luật trên nhiều góc độ; đề cập đến giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên viên cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam; các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình. Tuy nhiên, có thể nói rằng, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống về quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số nói chung và huyện Võ Nhai nói riêng.

## **1.2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài**

### **1.2.1. Pháp luật**

Pháp luật là một hiện tượng vừa mang tính giai cấp lại vừa thể hiện tính xã hội. Hai thuộc tính này có mối quan hệ mật thiết với nhau. Xét theo quan điểm hệ thống, không có pháp luật chỉ thể hiện duy nhất tính giai cấp; ngược lại, cũng không có pháp luật chỉ thể hiện tính xã hội.

Từ những nhận xét trên có thể hiểu: *Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp nắm quyền lãnh đạo và là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm tạo ra trật tự và ổn định trong xã hội.*

Về phương diện khách quan: những nguyên nhân làm xuất hiện Nhà nước cũng chính là những nguyên nhân làm xuất hiện pháp luật.

Về phương diện chủ quan: pháp luật chỉ có thể hình thành bằng con đường Nhà nước theo 2 cách: do Nhà nước ban hành hoặc Nhà nước thừa nhận các quy phạm xã hội.

Pháp luật Việt Nam là hệ thống các quy phạm do Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, đại diện cho quyền lực của giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức đặt ra thể hiện ý chí, nguyện vọng và lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, có tính chất bắt buộc chung đối với toàn xã hội, nhằm điều chỉnh các mối quan hệ trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

### **1.2.2. Giáo dục pháp luật**

Giáo dục pháp luật, tuyên truyền pháp luật, phổ biến pháp luật là những khái niệm gần nhau nhưng có những điểm khác nhau dù trong thực tế mọi người đều quan niệm rằng tuyên truyền, phổ biến, GDPL là các hoạt động nhằm nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân.

Tuyên truyền pháp luật là việc công bố, giới thiệu rộng rãi nội dung của pháp luật để mọi người biết, động viên, thuyết phục để mọi người tin tưởng và thực hiện đúng pháp luật.

Phổ biến pháp luật là nhằm làm cho đối tượng cụ thể hiểu thấu suốt các quy định của pháp luật để thực hiện pháp luật trên thực tế. Phổ biến pháp luật thường thông qua các hội nghị, các cuộc tập huấn....

Giáo dục là quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm bồi dưỡng cho con người những phẩm chất đạo đức và những tri thức cần thiết để người ta có khả năng tham gia mọi mặt của đời sống xã hội.

So với tuyên truyền, phổ biến thì giáo dục cũng nhằm nâng cao nhận thức, tình cảm, song nội dung rộng hơn, phương thức tiến hành chặt chẽ hơn, đối tượng xác định rõ hơn, mục đích lớn hơn. Xét dưới góc độ nhất định thì tuyên truyền, phổ biến chính là các phương thức giáo dục cụ thể.

GDPL là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục tác động lên đối tượng giáo dục một cách có hệ thống và thường xuyên nhằm mục đích hình thành tri thức pháp luật, tình cảm pháp lý và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của pháp luật hiện hành.

GDPL là vấn đề lý luận cơ bản có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong khoa học giáo dục cũng như trong sự nghiệp giáo dục ở nước ta. Khái niệm GDPL thường được quan niệm là một dạng hoạt động gắn liền với việc triển khai thực hiện pháp luật cũng như trong hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật. Với tư cách là một dạng giáo dục thì GDPL ở nước ta hình thành và thực hiện muộn hơn so với giáo dục chính trị, và giáo dục đạo đức. Với tư cách là một khái niệm pháp lý - GDPL được hình thành trong khoa học pháp lý cũng như được tiến hành trong thực tế ở nước ta muộn hơn so với nhiều nước trên thế giới. Chính vì vậy, quan niệm về GDPL ở nước ta vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau. Song để có một cách nhìn nhận đúng đắn khoa học về GDPL, trước hết cần xem xét một số các quan niệm về GDPL cơ bản sau đây:

Quan niệm thứ nhất cho rằng: GDPL là một bộ phận của giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức. Theo quan niệm này khi tiến hành giáo dục chính trị tư tưởng, các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng cho nhân dân thì tự nó

sẽ hình thành nên ý thức pháp luật. Điều đó có ý nghĩa làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức sẽ đạt được sự tôn trọng pháp luật của công dân. Hay nói cách khác sự hình thành ý thức pháp luật là hệ quả tất yếu của việc giáo dục chính trị tư tưởng hay giáo dục đạo đức.

Quan niệm thứ hai: Xem GDPL chỉ đơn thuần là hoạt động phổ biến tuyên truyền, giải thích pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình và sách báo. Chỉ cần làm tốt công tác thông tin tuyên truyền pháp luật như vậy là có thể làm tốt công tác GDPL.

Quan niệm thứ ba cho rằng: GDPL là lấy "trừng trị" để giáo dục người vi phạm và răn đe giáo dục người khác. Thông qua việc xử lý những hành vi vi phạm pháp luật như áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, xử phạt vi phạm hành chính hay áp dụng các chế độ trách nhiệm dân sự sẽ có tác dụng GDPL cho mọi người; không cần phải tuyên truyền hay giải thích pháp luật.

Quan niệm thứ tư: đồng nghĩa GDPL với dạy và học pháp luật ở các trường học, còn việc tuyên truyền phổ biến pháp luật ở ngoài xã hội thì không phải là GDPL.

Tất cả các quan niệm trên, mặc dù ở những góc độ khác nhau nhưng đều có sự nhìn nhận GDPL ở những khía cạnh và mức độ hợp lý nhất định. Song ở các quan niệm đó đều bộc lộ ít nhiều sự phiến diện, hoặc đơn giản đến mức tầm thường hóa vai trò của GDPL; chưa thấy được đặc thù và giá trị vốn có của GDPL. Vì vậy, những quan niệm đó đã hạ thấp vai trò, vị trí xã hội của GDPL. Mặt khác trong thực tiễn các quan niệm trên đây đã không tạo ra khả năng hoặc thậm chí cản trở việc triển khai hoạt động có tổ chức cũng như quy mô việc thực hiện pháp luật; làm cho hiệu lực, hiệu quả của pháp luật trong thực tế không cao. Nhận định trên thể hiện trong quan niệm thứ nhất; việc hình thành nên ý thức pháp luật của con người được xem như là sản phẩm của quá trình giáo dục chính trị tư tưởng hay giáo dục đạo đức. Nếu quan niệm như vậy thì vấn đề GDPL sẽ không được coi trọng đúng mức, do vậy không được đặt ra



như một hoạt động độc lập. Chính quan niệm này trong thực tiễn đã gây ra một hậu quả tai hại kéo dài trong nhiều năm ở nước ta dẫn đến không có nội dung, chương trình GDPL cụ thể và phù hợp; và vì thế pháp luật không đến với người dân dẫn tới ý thức pháp luật trong xã hội thấp kém.

Quan niệm thứ hai coi GDPL thực chất là những đợt tuyên truyền, cổ động không mang tính thường xuyên, liên tục với nội dung, chương trình cụ thể mà theo mùa vụ, mỗi khi có văn bản pháp luật mới được ban hành. Ví dụ: Khi sửa đổi Hiến pháp, sửa đổi bổ sung Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự v.v... thì tổ chức tuyên truyền theo đợt. Quan niệm GDPL như vậy là phiến diện, thiếu đồng bộ và liên tục nên hiệu quả giáo dục không cao.

Các quan niệm thứ ba, thứ tư cũng đều bộc lộ những khiếm khuyết, phiến diện nên trong thực tiễn đã không tạo ra khả năng triển khai hoạt động GDPL một cách rộng rãi. Sự nhận thức không đầy đủ về GDPL nên khó có thể khái quát được nội hàm của khái niệm này.

Để có quan niệm đúng đắn về GDPL, con đường duy nhất cần tiếp cận là những thành tựu của khoa học giáo dục học. Giáo dục là một hiện tượng xã hội và chỉ có trong xã hội loài người, thể hiện nền văn minh nhân loại. Giáo dục luôn luôn là nhu cầu của xã hội, nó có vai trò tác động trở lại xã hội. Vì thế mà để bảo vệ quyền lợi của mình, giai cấp cầm quyền đều thông qua giáo dục. Trong khoa học sư phạm, giáo dục được hiểu theo hai nghĩa đó là nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng: giáo dục là sự ảnh hưởng, tác động của những điều kiện khách quan (như chế độ xã hội, trình độ phát triển kinh tế, môi trường sống...) và của cả những nhân tố chủ quan (tác động tự giác, có chủ định và định hướng của nhân tố con người) nhằm hình thành những phẩm chất, kỹ năng nhất định của đối tượng giáo dục.

Theo nghĩa hẹp: giáo dục là quá trình tác động định hướng của nhân tố chủ quan lên khách thể giáo dục, nhằm truyền bá những kinh nghiệm đấu tranh

và sản xuất, những tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy, để họ có đầy đủ khả năng tham gia vào lao động và đời sống xã hội.

Trong quá trình hoạt động thực tiễn, các nhà lý luận cũng đã thừa nhận những yếu tố ảnh hưởng của các điều kiện khách quan tác động đến sự hình thành ý thức cá nhân của con người. Song các nhà lý luận khoa học sư phạm đã nhấn mạnh đến yếu tố tác động hàng đầu cực kỳ quan trọng và thậm chí quyết định của nhân tố chủ quan trong giáo dục. Vì vậy khái niệm giáo dục hiện nay chúng ta thường được hiểu theo nghĩa hẹp.

Xuất phát từ quan niệm về giáo dục theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp như trên thì GDPL trước hết cũng là một hoạt động mang đầy đủ những tính chất chung của giáo dục nhưng nó có những đặc điểm riêng biệt, phạm vi riêng cả về nội dung, hình thức và phương pháp. Theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp của giáo dục, GDPL được hiểu một cách khái quát nhất: con người với tư cách là một thực thể xã hội là một khách thể (hay đối tượng) chịu ảnh hưởng và sự tác động của các điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan để hình thành lên ý thức tình cảm và hành vi pháp luật.

Thực tế hiện nay theo quan điểm chung của các nhà khoa học pháp lý đều xuất phát từ nghĩa hẹp của giáo dục. Vận dụng khái niệm giáo dục theo nghĩa hẹp, các nhà khoa học đã xây dựng khái niệm GDPL bởi các yếu tố sau đây:

*Thứ nhất:* Sự hình thành ý thức của con người là một quá trình chịu ảnh hưởng và sự tác động của các điều kiện khách quan lẫn các nhân tố chủ quan. C.Mác viết: *"Con người vốn là sản phẩm của hoàn cảnh và giáo dục. Và do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi"* [3, tr.10].

Khi nghiên cứu sự tác động ảnh hưởng lên ý thức con người thì các nhà lý luận giáo dục đã phân biệt điều kiện khách quan và chủ quan. Điều kiện khách quan là những yếu tố ảnh hưởng tới việc hình thành lên ý thức con người; nhân tố chủ quan là nhân tố tác động có chủ đích, có định hướng, có nội dung và phạm vi nhất định. Yếu tố ảnh hưởng khách quan có thể thụ động; có

thể tự phát theo chiều này hay chiều khác mà không có chủ đích trước. Vậy theo nghĩa hẹp của giáo dục có thể vận dụng vào quan niệm GDPL đó là sự tác động có định hướng của nhân tố chủ quan bằng việc xác định nội dung, chương trình pháp luật cần đưa vào kế hoạch giáo dục cho công dân.

*Thứ hai:* Từ nghĩa hẹp của khái niệm giáo dục trong khoa học sư phạm để xây dựng khái niệm GDPL chúng ta nhận thức được mối quan hệ giữa "cái chung" và "cái riêng", "cái đặc thù", "trong mối quan hệ với giáo dục nói chung là "cái chung" "cái phổ biến" "cái riêng" vừa phải mang những đặc điểm chung vừa phải mang tính thể hiện những nét đặc thù. GDPL là "cái riêng" cái đặc thù trong mối quan hệ với giáo dục là "cái chung", "cái phổ biến".

Từ phân tích như trên chúng tôi hiểu: *GDPL là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể GDPL để cung cấp tri thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm và hành vi hợp pháp cho đối tượng giáo dục nhằm mục đích hình thành ở họ ý thức pháp luật đúng đắn và thói quen hành động phù hợp với các quy định pháp luật và đòi hỏi của nền pháp chế XHCN.*

### **1.2.3. Giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số**

#### **1.2.3.1. Phụ nữ vùng dân tộc thiểu số**

“Dân tộc thiểu số” là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*Khoản 2, điều 4 Nghị định 05/2011/NĐ-CP*). Dân tộc thiểu số là cụm từ dùng để chỉ chung cho 53 dân tộc anh em đang cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam có dân số ít hơn so với dân tộc Kinh (đa số).

“Vùng dân tộc thiểu số” là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*Khoản 4 Điều 4 Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc*). Vùng dân tộc thiểu số là vùng mà người DTTS chiếm đa số trong cơ cấu dân số. Theo khảo sát, hầu hết vùng DTTS đều có kết cấu hạ tầng chưa hoàn thiện, điều kiện sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn.

Phụ nữ vùng DTTS là khái niệm chỉ cộng đồng phụ nữ đang sinh sống ở vùng DTTS.

#### *1.2.3.2. Giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS*

Giáo dục pháp luật cho phụ nữ là hoạt động có định hướng, có tổ chức, của chủ thể giáo dục đến phụ nữ nhằm hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

Từ khái niệm chung về giáo dục pháp luật có thể hiểu: Giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số là quá trình tác động có định hướng, có tổ chức của chủ thể giáo dục đến phụ nữ vùng dân tộc thiểu số nhằm hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

#### **1.2.4. Quản lý giáo dục pháp luật**

##### *1.2.4.1. Quản lý*

Quản lý là một hoạt động rất chung và rộng. Trong phạm vi của luận văn này, tác giả chỉ nói đến quản lý xã hội - chính trị và quản lý đời sống tinh thần. Có nhiều quan điểm khác nhau về quản lý, tuy nhiên chúng tôi chỉ đề cập đến một số khái niệm liên quan trực tiếp đến đề tài này.

Theo H.Koontz (người Mỹ): *“Quản lý là một hoạt động thiết yếu nhằm đảm bảo sự phối hợp những nỗ lực của cá nhân để đạt được mục đích của nhóm (tổ chức). Mục tiêu của quản lý là hình thành một môi trường, trong đó, con người có thể đạt được mục đích của nhóm với thời gian, tiền bạc, vật chất và sự bất mãn cá nhân ít nhất”* [8, tr.7].

Theo tác giả Nguyễn Minh Đạo: *“Quản lý là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng của chủ thể (người quản lý, người tổ chức quản lý) lên khách thể (đối tượng quản lý) về các mặt chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội... bằng một hệ thống các luật lệ, các chính sách, các nguyên tắc, các phương pháp và các biện pháp cụ thể nhằm tạo ra môi trường và điều kiện cho sự phát triển của đối tượng”* [5, tr.20].

Bên cạnh đó, khi nói về quản lý, có nhiều nhà nghiên cứu lại đưa ra cách hiểu khác nhau, đó là:

Quản lý là sự tác động có định hướng, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý trong tổ chức để vận hành tổ chức, nhằm đạt mục đích nhất định.

Trong cuốn “Khoa học quản lý”, tác giả Trần Quốc Thành cho rằng: *“Quản lý là hoạt động có ý thức của chủ thể quản lý để chỉ huy, điều chỉnh, hướng dẫn các quá trình xã hội, hành vi và hoạt động của con người nhằm đạt tới mục đích, đúng với ý chí nhà quản lý, phù hợp với quy luật khách quan”* [21, tr.9].

Theo tác giả Bùi Minh Hiền: *“Quản lý là hoạt động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý đạt mục tiêu đề ra”* [dẫn theo 1].

Giáo trình Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục - đào tạo của tác giả Nguyễn Thị Tính (Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên xuất bản năm 2015) cho rằng: *“Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm chỉ huy, điều hành, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi của cá nhân hướng đến mục đích hoạt động chung và phù hợp với quy luật khách quan”* [23, tr.10].

Nói chung quản lý là một quá trình tác động có mục đích hoặc một hoạt động có tổ chức, có định hướng, có chủ thể và đối tượng,... Đó là ý tưởng căn bản của những khái niệm quản lý phổ biến hiện nay, nhưng rõ ràng chưa phải là khái niệm khoa học. Hoạt động nào của con người cũng có những đặc điểm như trên, không riêng gì quản lý.

Về khái niệm quản lý, chúng tôi thừa nhận và sử dụng quan điểm dựa theo [4]: *“Quản lý là một dạng lao động đặc biệt nhằm gây ảnh hưởng, điều khiển, phối hợp lao động của người khác hoặc của nhiều người khác trong cùng tổ chức hoặc cùng công việc nhằm thay đổi hành vi và ý thức của họ, định hướng và tăng hiệu quả lao động của họ, để đạt mục tiêu của tổ chức hoặc lợi*

*ích của công việc cùng sự thỏa mãn của những người tham gia”. “QL là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể QL tới đối tượng QL nhằm đạt mục tiêu đề ra”.*

#### *1.2.4.2. Quản lý giáo dục*

Quản lý giáo dục là một bộ phận quan trọng của hệ thống quản lý xã hội. Khoa học quản lý giáo dục xuất hiện sau so với khoa học quản lý kinh tế. Ở các nước phương Tây, người ta vận dụng lý luận quản lý xí nghiệp vào quản lý cơ sở giáo dục (trường học) và coi quản lý cơ sở giáo dục như quản lý một loại “Xí nghiệp” đặc biệt. Với cách tiếp cận khác nhau, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu đã đưa ra các khái niệm quản lý giáo dục như sau:

Theo tác giả M.I.Konzacov: *“Quản lý giáo dục là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và có mục đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau đến tất cả các khâu của hệ thống (từ Bộ đến trường) nhằm mục đích bảo đảm việc giáo dục CSCN cho thế hệ trẻ, bảo đảm sự phát triển toàn diện và hài hòa của họ. Trên cơ sở nhận thức và sử dụng các quy luật chung vốn có của CNXH, cũng như các quy luật khách quan của quá trình dạy học-giáo dục, của sự phát triển về thể chất và tâm lý của trẻ em, thiếu niên cũng như thanh niên”* [17, tr.110].

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: *“Quản lý giáo dục theo nghĩa tổng quát là hoạt động điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội nhằm thúc đẩy công tác đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội”* [1, tr.4].

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Quang: *“Quản lý giáo dục là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý (hệ giáo dục) nhằm làm cho hệ vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện các tính chất của nhà trường XHCN Việt Nam, mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ giáo dục tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất”* [18, tr.22].

Theo tác giả Phạm Minh Hạc: *“Quản lý giáo dục là quản lý trường học, thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình,*

*tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và với từng học sinh” [7, tr.89].*

Theo tác giả Đặng Thành Hưng: *"QLGD là dạng lao động xã hội đặc biệt trong lĩnh vực GD nhằm gây ảnh hưởng, điều khiển hệ thống GD và các thành tố của nó, định hướng và phối hợp lao động của những người tham gia công tác GD, dựa trên thể chế GD và các nguồn lực GD" [12].*

QLGD thường được thực hiện ở 3 cấp: cấp TW, cấp địa phương và cấp cơ sở. Cấp TW và cấp chính quyền địa phương tỉnh, thành phố thực hiện thẩm quyền chung được gọi là cấp cao. Cấp ngành ở tỉnh, thành phố thực hiện thẩm quyền riêng và cấp chính quyền quận, huyện gọi là cấp trung gian, còn cấp xã, phường, thị trấn là cấp cơ sở. Ở cấp QL nào cũng có QL vĩ mô lẫn QL vi mô. Đối tượng của QLGD vi mô là những yếu tố chỉ ảnh hưởng cục bộ, đơn lẻ.

Bằng các cách tiếp cận khác nhau các tác giả đưa ra cách diễn đạt khác nhau về quản lý giáo dục, song các khái niệm đều đi đến nội dung thống nhất. Chúng ta có thể khái quát như sau: *Quản lý giáo dục là hệ thống tác động có kế hoạch, có hướng đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau đến tất cả các khâu, các bộ phận của hệ thống nhằm đảm bảo cho các cơ quan trong hệ thống giáo dục vận hành tối ưu, bảo đảm sự phát triển mở rộng cả về số lượng cũng như chất lượng để đạt được mục tiêu giáo dục.*

Như vậy, quản lý giáo dục phải có chủ thể quản lý, ở tầm vĩ mô là quản lý của nhà nước mà cơ quan trực tiếp quản lý là Bộ, Sở, Phòng giáo dục đào tạo, ở tầm vi mô là quản lý của hiệu trưởng nhà trường; phải có hệ thống tác động quản lý theo một nội dung, chương trình kế hoạch thống nhất từ trung ương đến địa phương nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục trong mỗi giai đoạn cụ thể của xã hội; phải có một lực lượng đông đảo những người làm công tác giáo dục cùng với hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật tương ứng.

#### *1.2.4.3. Quản lý giáo dục pháp luật*

Quản lý GDPL là quản lý các nội dung giáo dục pháp luật và các hoạt động GDPL qua các môi trường học tập, các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Quản lý GDPL là hoạt động điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội tác động có chủ đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt kết quả theo yêu cầu phát triển xã hội. Đó chính là việc trang bị, bồi dưỡng và nâng cao tri thức pháp luật; hình thành, tạo dựng lòng tin vào pháp luật; xây dựng thói quen vững chắc xử sự theo những quy định của pháp luật (hình thành lối sống tuân theo pháp luật) cho các đối tượng cần được GDPL.

Quản lý GDPL là một nhiệm vụ, một lĩnh vực quản lý trong hệ thống quản lý Nhà nước mà các cấp Hội LHPN tham gia. Đó là quản lý các hoạt động giáo dục pháp luật cho các đối tượng cụ thể là tổ chức hội, hội viên và phụ nữ.

#### *1.2.4.4. Quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS*

Quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số là quản lý các hoạt động giáo dục pháp luật cho phụ nữ ở khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số (Quản lý việc xây dựng kế hoạch, tổ chức chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra giám sát tiến độ và kết quả thực hiện) nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi chấp hành pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

### **1.3. Một số vấn đề về giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS**

#### ***1.3.1. Đặc điểm của phụ nữ vùng DTTS***

*Đặc trưng tâm lý dân tộc* là những sắc thái dân tộc độc đáo thể hiện trong cách suy nghĩ, cách hành động của một cộng đồng dân cư. Những nét tâm lý xã hội, những thói quen sống, kinh nghiệm sản xuất, truyền thống văn hóa được hình thành dưới ảnh hưởng những điều kiện sống trải dài theo dòng lịch sử và được thể hiện trong nếp sống văn hoá và sinh hoạt của các dân tộc.

Tâm lý người dân vùng đồng bào dân tộc, đặc biệt là phụ nữ thường hay tự ti, bảo thủ, gồm cả tư tưởng cục bộ dân tộc, địa phương chủ nghĩa, các cộng



đồng, các cụm dân cư, các dòng họ có phong tục tập quán riêng biệt. Bên cạnh đó vẫn còn có những hủ tục nặng nề, lạc hậu như thách cưới, tang ma, tảo hôn... khi GDPL phải chú ý và thận trọng; có phê phán đối với những hủ tục lạc hậu nhưng phải hết sức khéo léo, tế nhị.

Do vậy nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm *tâm lý phụ nữ vùng DTTS* là một nhiệm vụ quan trọng của công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Hiểu được tâm lý là chìa khóa để có phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục phù hợp. Phụ nữ vùng DTTS có những đặc trưng tâm lý sau đây:

*Về nhận thức:* Phụ nữ vùng dân tộc thiểu số thường gặp những khó khăn nhất định về ngôn ngữ phổ thông, phát âm không chuẩn xác, chưa hiểu rõ các khái niệm khoa học, diễn đạt chưa lưu loát. Khả năng nhận thức chậm, ngại suy nghĩ, dễ thừa nhận những điều người khác nói, ít đi sâu tìm hiểu nguyên nhân, ý nghĩa, diễn biến hoặc hệ quả của sự việc, hiện tượng. Khả năng độc lập tư duy, óc phân tích còn kém, thường suy nghĩ một chiều, thoả mãn với cái gì đã có sẵn, ít tìm tòi, ngại đổi mới. Thiếu mềm dẻo trong tư duy, ít có khả năng thay đổi phương pháp suy nghĩ và hành động cho phù hợp với hoàn cảnh mới, đôi khi tư duy còn máy móc rập khuôn. Năng lực phân tích tổng hợp, khái quát hoá ở phụ nữ dân tộc còn hạn chế, thiếu tính toàn diện. Phụ nữ vùng DTTS thường hay nhầm lẫn giữa thuộc tính bản chất và thuộc tính không bản chất của sự vật, hiện tượng. Khả năng chú ý có chủ định phát triển không cao, khả năng duy trì chú ý không bền. Khả năng tư duy trực quan, hình ảnh của phụ nữ dân tộc thiểu số tốt hơn tư duy trừu tượng. Trong nhiều trường hợp, phụ nữ vùng DTTS thường tư duy theo sự vật, hình ảnh cụ thể gần gũi với đời sống, không biết hay lật lại vấn đề, không biết phát hiện các sai sót của bạn hoặc không dám đưa ra những thắc mắc, ngại đi sâu vào những vấn đề phức tạp.

*Về đời sống:* Phụ nữ vùng DTTS sống ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên tính chất cộng đồng rất mạnh mẽ. Sự hiểu biết về xã hội của phụ nữ vùng DTTS còn ít. Lối sống tự do, phóng khoáng, không thích gò bó, có những thói quen chưa tốt như, chậm chạp, thiếu

ngăn nắp... Thích được vui chơi tập thể, thích hoạt động giao lưu xã hội, văn nghệ, thể thao... là tiền đề nảy sinh nhu cầu hoạt động. Trong giao tiếp phụ nữ vẫn thường xuyên sử dụng tiếng dân tộc. Gặp người lạ phụ nữ vùng DTTS thường ngại tiếp xúc, ngại trao đổi, nhưng hay tò mò quan sát.

Nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn duy trì phong tục tập quán lạc hậu, nhiều vấn đề xã hội đang được đặt ra (tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết, phụ nữ rời địa phương đi làm ăn xa, đi xuất khẩu lao động trái phép... vẫn còn, tỉ lệ phụ nữ mù chữ, sinh con thứ 3 trở lên cao...).

*Về tình cảm:* Phụ nữ vùng DTTS có tinh thần đoàn kết, đặc biệt với những người cùng một dân tộc hoặc với những người cùng là DTTS. Họ gắn bó với bản làng, yêu quê hương, gia đình, người thân, bạn bè. Có lòng vị tha đối với cộng đồng, sẵn sàng đem lợi ích, năng lực cá nhân để phục vụ cộng đồng. Phụ nữ dễ hình thành niềm tin đối với cá nhân có uy tín hoặc giữ vai trò thủ lĩnh, dễ làm theo số đông, theo người thủ lĩnh mà chưa suy nghĩ kỹ. Cuộc sống chân thực, mộc mạc, yêu ghét rõ ràng song biểu hiện tình cảm rất thâm kín, ít bộc lộ.

Phụ nữ vùng DTTS hiếu khách, tôn trọng người lạ nhưng dễ phản ứng tiêu cực khi bị đối xử không công bằng. Giản dị, chất phác, thật thà, trung thực với mọi người và mong muốn có quan hệ chân thành, muốn được tôn trọng trong mọi trường hợp. Phụ nữ vùng DTTS có tính tự trọng cao, nhưng đôi khi bảo thủ, tự ti, mặc cảm.

Định kiến về giới vẫn còn tồn tại ở một số địa bàn dân tộc thiểu số. Tư tưởng trọng nam khinh nữ đặt người phụ nữ dân tộc thiểu số ở vị trí thứ yếu, chịu thiệt thòi nhiều lĩnh vực, ít có cơ hội tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương dẫn tới tâm lý tự ti, thói quen sống an phận, chịu đựng không muốn thay đổi nếp nghĩ, nếp sống, tập quán của mình.

Như vậy, cùng với những đặc điểm tâm lý chung của phụ nữ, phụ nữ vùng DTTS còn có những nét riêng về tâm lý, đòi hỏi cán bộ quản lý, cán bộ Hội LHPN các cấp, người làm công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ miền núi sẽ phải có các biện pháp quản lý, giáo dục phù hợp.

### **1.3.2. Giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS**

#### **1.3.2.1. Mục tiêu giáo dục PL**

Phụ nữ thuộc nhóm có nguy cơ cao, dễ bị xâm hại về các quyền và lợi ích hợp pháp. Đối với phụ nữ vùng DTTS, xuất phát từ những nguyên nhân khách quan, chủ quan; từ những đặc trưng tâm lý như vừa phân tích ở trên, luôn tiềm tàng nguy cơ bị xâm hại hoặc vì thiếu hiểu biết dẫn tới không phát huy được hết quyền bình đẳng giới cũng như các quy định của pháp luật liên quan tới phụ nữ nói chung, phụ nữ vùng DTTS nói riêng.

Vì vậy, mục tiêu cần đạt tới là: Nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật đối với phụ nữ vùng DTTS nói chung, phụ nữ huyện nói riêng. Trên cơ sở kiến thức pháp luật được trang bị, phụ nữ vùng DTTS có chuyển biến về hành vi, từng bước tạo lập thói quen thực hiện pháp luật. Muốn đạt tới mục tiêu này, cần tăng cường nâng cao kiến thức pháp luật cho người dân sống ở vùng kinh tế xã hội có điều kiện đặc biệt khó khăn, trong đó chú trọng tuyên truyền pháp luật cho phụ nữ. Nội dung tuyên truyền cần chú trọng phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mật thiết tới quyền và nghĩa vụ của phụ nữ, liên quan trực tiếp tới đời sống và việc làm... như Luật Bình đẳng giới, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân gia đình... qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Hình thành trong phụ nữ vùng dân tộc thiểu số lòng tin vào pháp luật. Bản chất của pháp luật là quyền lực, ý chí của Nhà nước được xây dựng, hình thành trên cơ sở lợi ích của số đông và do đó luôn hàm chứa trong nó mâu thuẫn lợi ích của một bộ phận không nhỏ với lợi ích của số đông. Mặt khác, pháp luật luôn luôn không thể và không bao giờ đáp ứng thỏa mãn nguyện vọng, mong muốn của tất cả các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Từ đó cho thấy sự cần thiết của giáo dục pháp luật giúp người dân hiểu rõ, hiểu đúng quy định của pháp luật để từ đó có sự đồng tình, ủng hộ các quy định của pháp luật.

Nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân và phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Ý thức pháp luật của người dân được hình thành từ hai

yếu tố đó là tri thức pháp luật và tình cảm pháp luật. Ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân đặc biệt là phụ nữ vùng dân tộc thiểu số chỉ có thể được nâng cao khi công tác giáo dục pháp luật được tiến hành thường xuyên, kịp thời và có tính thuyết phục.

Giáo dục pháp luật nhằm hình thành, củng cố tình cảm tốt đẹp của con người với pháp luật, đồng thời ngày càng nâng cao sự hiểu biết của con người đối với các văn bản pháp luật và các hiện tượng trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân nói chung, phụ nữ dân tộc thiểu số nói riêng.

#### *1.3.2.2. Nội dung GDPL*

Để GDPL cho PN vùng dân tộc thiểu số thì phải có những nội dung GDPL cụ thể: Việc PBGDPL cho người dân ở vùng DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân căn cứ vào đặc điểm của từng đối tượng mà tập trung vào các quy định pháp luật về dân tộc, tôn giáo, trách nhiệm tham gia bảo vệ, giữ gìn an ninh, quốc phòng, biên giới, chủ quyền quốc gia, biển, đảo, tài nguyên, khoáng sản và các lĩnh vực pháp luật khác gắn liền với đời sống, sản xuất của người dân [19, khoản 1, Đ. 17].

Nội dung GDPL cho PN vùng DTTS là những văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và những văn bản pháp quy do các cấp chính quyền địa phương ban hành mà các chủ thể GDPL cần truyền đạt, trang bị cho PN vùng DTTS phù hợp với mục tiêu, yêu cầu, giúp họ có được những kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật; trên cơ sở đó, hình thành và phát triển ý thức pháp luật, củng cố niềm tin đối với pháp luật và hình thành lối sống theo pháp luật cho PN vùng DTTS.

Nội dung GDPL cho PN vùng DTTS gồm hệ thống các văn bản QPPL của Nhà nước và các văn bản pháp quy của các cấp chính quyền địa phương, cụ thể theo từng nhóm nội dung như sau:

Các văn bản pháp luật về hôn nhân, gia đình, gồm: Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật hộ tịch, hộ khẩu, Luật nuôi con nuôi. Pháp lệnh về Dân số, kế hoạch hóa gia đình...; Các văn bản pháp luật về Bình đẳng giới: Luật Bình đẳng giới, các nghị định, Nghị quyết, Kết luận, Thông báo, Chỉ thị...; Các văn bản pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Chỉ thị số 1408 ngày 01/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn...; Các văn bản pháp luật về phòng chống, tội phạm tệ nạn xã hội: Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Hình sự, Luật khiếu nại tố cáo, Luật giao thông đường bộ, pháp luật về phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người, phòng chống mại dâm...; Các văn bản pháp luật về dân tộc, tôn giáo: Pháp luật về chính sách dân tộc, tôn giáo...; Một số văn bản pháp luật về các vấn đề khác: Luật giáo dục, pháp luật về môi trường, Luật đất đai, pháp luật về Dân chủ ở cơ sở, Luật bảo vệ rừng, kết quả triển khai GDPL, kết quả thực hiện pháp luật, những gương sáng điển hình, tấm gương “người tốt, việc tốt” trong thực hiện pháp luật, tình hình tội phạm trên địa bàn, các âm mưu, thủ đoạn, phương thức phạm tội mới xuất hiện, kết quả hoạt động xét xử, bảo vệ pháp luật của các cơ quan chức năng tại địa phương...

Việc phổ biến, tuyên truyền những nội dung thông tin pháp luật cho PN có ý nghĩa rất quan trọng: *một mặt*, trang bị cho PN có kiến thức về gia đình, chăm sóc con cái, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, động viên, khuyến khích, cổ vũ PN vùng DTTS học tập, làm theo những tấm gương sáng trong thực hiện pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng; *mặt khác*, phần đa PN chỉ được tiếp cận trên các phương tiện thông tin đại chúng, họ còn yếu trong nhận thức và chưa có kỹ năng nhận biết các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Do đó chính quyền địa phương cần quan tâm giáo dục cho PN vùng DTTS nâng cao cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn phạm tội, khuyến khích, động viên PN tích cực tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm.

### *1.3.2.3. Vai trò của GDPL*

Xuất phát từ đặc trưng của ý thức pháp luật được cấu thành từ hai bộ phận chủ yếu là tri thức và sự hiểu biết về pháp luật của con người và thái độ của con người đối với pháp luật trong cuộc sống hàng ngày thì giáo dục pháp luật có vai trò đó là:

Hình thành tri thức pháp luật và thói quen sống theo pháp luật: Ý thức pháp luật được hình thành, củng cố và phát triển phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau như kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, truyền thống... Do đó, để hình thành tri thức pháp luật và thói quen sống theo pháp luật cho mỗi người dân nói chung và cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số nói riêng đòi hỏi phải thực hiện nhiều hình thức, biện pháp để tạo ra các khả năng, điều kiện cho việc hình thành và phát triển ý thức pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Việc tổ chức, triển khai GDPL cho nhân dân đang sinh sống ở vùng DTTS nói chung, chị em phụ nữ nói riêng sẽ góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, thực hiện “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Nhận thức pháp luật được nâng cao giúp chị em biết bảo vệ lẽ phải, bảo vệ cái đúng, đấu tranh với cái sai, cái lạc hậu, phản khoa học; không nghe theo luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch...

### *1.3.2.4. Con đường GDPL cho phụ nữ vùng DTTS*

Mục tiêu và nội dung của GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số không thể tự thân đi vào nhận thức, tình cảm của mỗi phụ nữ được GDPL, mà phải qua những kênh chuyển tải thông tin, là các dạng hoạt động cụ thể để tổ chức quá trình GDPL, thể hiện nội dung GDPL. Các dạng hoạt động cụ thể đó phải phù hợp với khả năng tiếp cận của phụ nữ vùng DTTS. Do đó, hiệu quả của GDPL không chỉ phụ thuộc vào việc xác định đúng mục đích và nội dung GDPL mà còn phụ thuộc vào việc xác định đúng hình thức, con đường GDPL. Các con đường giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS được thực hiện phổ biến theo những con đường sau:

*Giáo dục pháp luật trực tiếp thông qua tuyên truyền miệng:* Đây là hình thức được sử dụng thường xuyên thông qua việc học pháp luật, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các lớp tập huấn và một số hoạt động khác. Trong nhiều hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn đã tăng cường thảo luận, trao đổi, đối thoại để nắm bắt vướng mắc, nhu cầu của người nghe và giải đáp đúng những vấn đề mà họ cần. Bên cạnh đó, nhiều địa phương chú trọng nội dung tập huấn, thảo luận theo chuyên đề, lồng ghép phổ biến kiến thức pháp luật trong các buổi họp thôn, họp giao ban. Đặc trưng chính GDPL trực tiếp là dùng lời lẽ trực tiếp truyền đạt nội dung pháp luật cho người nghe.

*GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng:* qua các kênh của Đài phát thanh và truyền hình Trung ương và địa phương. Các chuyên trang, chuyên mục trên các loại hình báo chí (hỏi đáp, tình huống, tiểu phẩm, phóng sự, giới thiệu văn bản, nghiên cứu trao đổi...); xây dựng các chuyên mục mang tính đặc thù: phát thanh - truyền hình bằng tiếng dân tộc; phát thanh song ngữ tiếng Kinh-Tày, Dao, Mông, Giáy, chuyên mục tiếng dân tộc... Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật lưu động thông qua đội phát thanh, đội chiếu phim lưu động, báo miễn phí cho các chi hội phụ nữ vùng đặc biệt khó khăn; Hệ thống đài truyền thanh các huyện, xã... Đặc trưng chính GDPL thông qua các phương tiện thông tin đại chúng là sử dụng báo nói, báo viết, báo hình để truyền bá nội dung cần phổ biến.

*Tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật:* sách hỏi đáp, sách chuyên đề, sổ tay pháp luật, sách nghiệp vụ, tờ gấp, đề cương giới thiệu luật, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động, khẩu hiệu, tờ tin ảnh, băng rôn về chủ đề pháp luật... Nội dung của các tài liệu tập trung vào các vấn đề pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, của phụ nữ vùng DTTS. Thông qua tìm hiểu nội dung các tài liệu tuyên truyền, người dân được cung cấp các kiến thức cơ bản về pháp luật được tuyên truyền giáo dục, từ đó có nhận thức và có hành vi đúng trong thực hiện pháp luật. Hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chịu sự tác động nhất định của chất lượng các tài liệu pháp luật, vì vậy,

việc biên soạn, phát hành các tài liệu này cũng được chú trọng cả hình thức và nội dung.

*Giáo dục pháp luật thông qua tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật:* Thi tìm hiểu pháp luật là hình thức thi do cơ quan nhà nước, các tổ chức, các doanh nghiệp tổ chức nhằm động viên, khuyến khích đối tượng được giáo dục pháp luật nâng cao hiểu biết pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đối tượng và nâng cao dân trí pháp lý. Việc tổ chức thi tìm hiểu pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS là một trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo môi trường, sân chơi là cầu nối chuyển tải những nội dung pháp luật vào cuộc sống của người dân vùng DTTS, là hình thức sinh hoạt văn hoá pháp lý có sức hấp dẫn và hiệu quả. Đây là một trong những hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật hấp dẫn, có hiệu quả cao và được sử dụng nhiều. Những nội dung pháp luật được chuyển tải đến PN vùng DTTS thông qua các cuộc thi một cách đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ hơn, sinh động hơn, tránh được sự cứng nhắc, khô cứng. Bên cạnh đó, kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền pháp luật của người tổ chức cũng được trau dồi, gọt dũa.

Kết quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hình thức thi tìm hiểu pháp luật tác động trực tiếp đến ý thức pháp luật của người dự thi, qua đó là nơi giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật của cả người tổ chức cuộc thi và người theo dõi, tìm hiểu cuộc thi.

Đối với PN vùng DTTS, thi tìm hiểu kiến thức về pháp luật có thể được tổ chức bằng các hình thức như: Thi viết bài, giao lưu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ có lồng ghép nội dung pháp luật, sân khấu hoá, hái hoa dân chủ,... Đặc trưng chính của con đường này là vận động, khuyến khích đối tượng tìm hiểu pháp luật thông qua thi thử tài năng.

*Giáo dục pháp luật thông qua xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật:* Tủ sách pháp luật, ngăn sách pháp luật, túi sách pháp luật được xây



dựng ở xã, phường, thị trấn, được đặt ở điểm bưu điện văn hoá xã, thôn, làng, ở nhà văn hoá,... tư sách pháp luật đã trở thành chỗ dựa, là công cụ để cán bộ, công chức tra cứu, tìm hiểu pháp luật, phục vụ công tác phổ biến pháp luật và các hoạt động điều hành, quản lý của hệ thống chính trị cơ sở, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

*PBGDPL thông qua hỗ trợ tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn, trợ giúp lưu động:* Người thực hiện hoạt động này là cán bộ tư pháp xã, huyện, những người có uy tín trong cộng đồng... Tư vấn pháp luật là việc giải đáp pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý nhằm giúp PN vùng DTTS thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Thông qua tư vấn pháp luật, cán bộ làm công tác tư vấn góp phần tuyên truyền, phổ biến, giải thích pháp luật nhằm nâng cao văn hoá pháp lý cho công dân trong cộng đồng xã hội. Hoạt động tư vấn pháp luật là cầu nối quan trọng giữa người xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, thực thi pháp luật và những người là đối tượng của việc áp dụng pháp luật.

Trợ giúp pháp lý là sự giúp đỡ miễn phí của các tổ chức trợ giúp pháp lý của Nhà nước cho người nghèo, đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận với các dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa) nhằm bảo đảm cho mọi công dân đặc biệt là PN vùng DTTS đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội.

Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý sẽ giúp các đối tượng nắm bắt được các thông tin pháp lý, hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình trong các quan hệ pháp luật, hướng dẫn phương pháp xử sự các hoàn cảnh cụ thể phù hợp với pháp luật và tránh được những hậu quả pháp lý bất lợi, hướng dẫn công dân, tổ chức tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

*Giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở:* Người thực hiện hoạt động này là cán bộ cơ sở: cán bộ Tư pháp, cán bộ các tổ chức chính

trị - xã hội, các hòa giải viên; địa chỉ tin cậy tại cộng đồng; những người có uy tín trong cộng đồng... Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hoà giải ở cơ sở là việc các tổ viên hoà giải bằng hoạt động hoà giải của mình cung cấp các kiến thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm pháp luật cho các bên tranh chấp và những người khác trong cộng đồng dân cư nhằm mục đích hình thành ở họ sự hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật và thói quen hành động theo pháp luật.

Để phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hoà giải có hiệu quả, đòi hỏi phải có phương pháp thực hiện hợp lý và có những giải pháp phù hợp, kịp thời để việc hoà giải đạt được mục đích đồng thời qua việc hoà giải, các bên hiểu được quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

*Giáo dục pháp luật thông qua tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ:* Thông qua các buổi sinh hoạt câu lạc bộ (Câu lạc bộ pháp luật, câu lạc bộ phụ nữ...) Ban chủ nhiệm các câu lạc bộ có trách nhiệm tập hợp các thành viên tham gia sinh hoạt; trực tiếp làm báo cáo viên hoặc mời báo cáo viên tuyên truyền, giáo dục các nội dung pháp luật cho các thành viên trong câu lạc bộ, giải đáp các thắc mắc, tư vấn cho các thành viên về các vấn đề họ đang mắc, cần được giải quyết... Đặc trưng chính của con đường này là đối tượng của phổ biến giáo dục pháp luật đồng thời cũng chính là chủ thể của phổ biến giáo dục pháp luật, ở đó mỗi thành viên phát huy tính nhận thức tích cực của mình trao đổi, tranh luận... để mở rộng kiến thức pháp luật của mình.

*Lồng ghép PBGDPL với việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước, các phong trào, lễ hội truyền thống của địa phương.* Các địa phương trong xây dựng kế hoạch GDPL cho nhân dân, đặc biệt là cho người dân vùng DTTS cần Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, ngành Văn hóa, tiếp tục triển khai Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBMTTQVN ngày 31/3/2000 của Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn việc thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.

## **1.4. Quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

### ***1.4.1. Mục tiêu quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS***

Mục tiêu QLGDPL cho phụ nữ vùng DTTS là giúp hoạt động GDPL dưới những hình thức khác nhau đạt hiệu quả cao trên cơ sở khai thác tốt những nguồn lực giáo dục và tổ chức GDPL, nhân tố con người trong giáo dục, giúp phụ nữ vùng DTTS hiểu biết pháp luật, tin vào pháp luật, nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của PN vùng DTTS, qua đó giúp nhà quản lý thực hiện thành công nhiệm vụ GDPL theo kế hoạch đã định, góp phần ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đời sống cho người dân, đặc biệt là cho PN vùng DTTS.

### ***1.4.2. Nội dung quản lý giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS***

#### ***1.4.2.1. Quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật***

Kế hoạch đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu GDPL với mục tiêu giáo dục cho phụ nữ, phối hợp hữu cơ với kế hoạch triển khai các hoạt động công tác Hội và phong trào phụ nữ, lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp với phụ nữ vùng DTTS để đạt hiệu quả giáo dục cao.

Kế hoạch GDPL được xây dựng theo các nội dung phù hợp với từng thời điểm trong năm, với những nét đặc trưng, vùng miền, theo các mặt hoạt động xã hội, có các biện pháp cụ thể, khả thi.

Nội dung kế hoạch đảm bảo các yêu cầu sau: Mục đích yêu cầu của kế hoạch giáo dục phải nêu rõ mục đích và kết quả đạt được cũng như yêu cầu đặt ra khi triển khai kế hoạch. Đối tượng giáo dục của kế hoạch cần cụ thể. Nội dung pháp luật cần được phổ biến, giáo dục cho đối tượng phải căn cứ vào yêu cầu chung của kế hoạch, hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Hình thức GDPL phù hợp với đối tượng và vùng miền tổ chức hoạt động GDPL. Biện pháp đảm bảo tính phù hợp, tính khả thi và tính hiệu quả. Thời gian, địa điểm tổ chức hoạt động GDPL. Báo cáo viên GDPL. Phân công tổ chức thực hiện. Dự toán kinh phí thực hiện.

#### *1.4.2.2. Quản lý tổ chức, chỉ đạo triển khai GDPL cho PN vùng DTTS*

GDPL cho phụ nữ vùng DTTS, cần coi trọng công tác tổ chức, chỉ đạo triển khai các hoạt động GDPL; coi trọng việc quản lý nội dung và hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Dưới góc độ của nhà quản lý, cần quan tâm tới các yếu tố có thể ảnh hưởng tới công tác chỉ đạo triển khai.

Nội dung tổ chức, chỉ đạo triển khai GDPL cho PN vùng DTTS, bao gồm:

##### a) QL các nội dung GDPL cho PN vùng DTTS

Trên cơ sở các nội dung GDPL cho PN vùng DTTS đó là: Các văn bản pháp luật về hôn nhân, gia đình, gồm: Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật hộ tịch, hộ khẩu, Luật nuôi con nuôi. Pháp lệnh về Dân số, kế hoạch hóa gia đình...; Các văn bản pháp luật về Bình đẳng giới: Luật Bình đẳng giới, các nghị định, Nghị quyết, Kết luận, Thông báo, Chỉ thị...; Các văn bản pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Chỉ thị số 1408 ngày 01/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn...; Các văn bản pháp luật về phòng chống, tội phạm tệ nạn xã hội: Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Hình sự, Luật khiếu nại tố cáo, Luật giao thông đường bộ, pháp luật về phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người, phòng chống mại dâm...; Các văn bản pháp luật về dân tộc, tôn giáo: Pháp luật về chính sách dân tộc, tôn giáo...; Một số văn bản pháp luật về các vấn đề khác: Luật giáo dục, pháp luật về môi trường, Luật đất đai, pháp luật về Dân chủ ở cơ sở, Luật bảo vệ rừng, kết quả triển khai GDPL, kết quả thực hiện pháp luật, những gương sáng điển hình, tấm gương “người tốt, việc tốt” trong thực hiện pháp luật, tình hình tội phạm trên địa bàn, các âm mưu, thủ đoạn, phương thức phạm tội mới xuất hiện, kết quả hoạt động xét xử, bảo vệ pháp luật của các cơ quan chức năng trong tỉnh...

Trong mỗi nhóm nội dung pháp luật nêu trên, khi tổ chức giáo dục cho PN vùng DTTS, chủ thể quản lý là UBND các cấp giao cho Phòng Tư pháp huyện, cán bộ tư pháp xã chịu trách nhiệm chính trong công tác lập kế hoạch

GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Việc lập kế hoạch được thực hiện theo chu kỳ và từng năm, giai đoạn trên cơ sở định hướng và chỉ đạo của UBND các cấp. Chỉ đạo các tổ chức thành viên trong hội đồng PBGDPL, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện tại cơ sở. Trong quá trình thực hiện cần kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai hoạt động giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS của các lực lượng giáo dục theo từng mảng nội dung pháp luật khi GD cho PN vùng DTTS.

Quản lý mục tiêu, phương pháp, nội dung chương trình giáo dục: Quản lý mục tiêu bao gồm mục tiêu về kiến thức pháp luật cần phải đạt được của phụ nữ vùng DTTS sau khi được GDPL. Quản lý phương pháp bao gồm các phương pháp được sử dụng trong mỗi hoạt động GDPL sao cho phù hợp với đặc điểm đối tượng, vùng miền. Quản lý nội dung chương trình GDPL theo định hướng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp, và phù hợp với nhu cầu của đối tượng được GDPL. Quản lý thời gian tổ chức hoạt động GDPL: bao gồm quản lý thời gian diễn ra hoạt động giáo dục và thời gian phân bổ cho từng nội dung GDPL, đảm bảo sự cân đối, hài hòa giữa các nội dung trong hoạt động GDPL. Quản lý chủ thể và đối tượng GDPL. Quản lý các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDPL cho phụ nữ vùng DTTS: Đối với các hoạt động giáo dục phối hợp với các cơ quan chức năng, sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị phối hợp. Đối với các hoạt động bồi dưỡng tổ chức tại cấp xã sử dụng Trung tâm học tập cộng đồng của xã hoặc Nhà văn hóa xóm.

#### b) Phương pháp QL GDPL cho PN vùng DTTS

Phương pháp QLGD là một hệ thống logic các tác động của người quản lý tới nhận thức, tình cảm và ý chí của cá nhân và tập thể bị quản lý, nhằm đạt được mục tiêu QLGD đề ra. Phương pháp quản lý GDPL là tổng thể các cách thức tác động có chủ đích của chủ thể thực hiện hoạt động quản lý nhằm đạt được các mục tiêu GDPL đã đề ra. Các phương pháp quản lý bao gồm:

*Phương pháp tâm lý - xã hội:* Là những cách thức tác động của người quản lý tới các lực lượng tham gia giáo dục nhằm biến những yêu cầu của các

cấp quản lý thành nghĩa vụ tự giác bên trong, thành nhu cầu của mọi người. Phương pháp này thể hiện tính nhân văn trong hoạt động quản lý, nhằm động viên tinh thần chủ động tích cực tự giác của mọi người, tạo ra bầu không khí cởi mở, tin cậy lẫn nhau, giúp đỡ nhau hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục. Vận dụng thành công phương pháp này sẽ mang lại hiệu quả cao trong giáo dục PL cho PN vùng DTTS.

Các phương pháp tâm lý - xã hội bao gồm: thuyết phục, động viên, tạo dư luận xã hội, giao công việc, đặt yêu cầu cao... Nhóm phương pháp này thể hiện tính dân chủ trong hoạt động quản lý; phát huy quyền làm chủ tập thể và khai thác tiềm năng của mỗi thành viên trong tổ chức và phát huy được nội lực của cá nhân và tập thể. Vận dụng thành công phương pháp này sẽ mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của tổ chức và hoạt động GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

*Phương pháp tổ chức hành chính:* Là phương pháp tác động trực tiếp của chủ thể QL đến các đối tượng QL bằng mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định quản lý. Phương pháp tổ chức hành chính thường thể hiện qua các nghị quyết, kết luận, kế hoạch, quyết định của cơ quan quản lý đến các đơn vị thực hiện.

Phương pháp tổ chức hành chính thường thể hiện qua các nghị quyết của hội đồng nhân dân, nghị quyết đảng bộ,... các quyết định của Chủ tịch UBND, các quy định, quy chế, của UBND, Hội đồng nhân dân, hội đồng phối hợp công tác PBGDPL của huyện, xã, mang tính chất bắt buộc yêu cầu các tổ chức, cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ làm công tác GDPL phải thực hiện.

Phương pháp tổ chức hành chính là rất cần thiết trong công tác quản lý, nó được xem là phương pháp cơ bản để chỉ đạo triển khai các hoạt động giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS.

*Phương pháp lợi ích:* Phương pháp lợi ích là sự tác động một cách gián tiếp của người quản lý bằng cơ chế kích thích lao động thông qua thi đua khen thưởng kèm theo lợi ích vật chất để mọi người tích cực tham gia công việc làm tốt mọi nhiệm vụ được giao. Thực chất của phương pháp kinh tế là dựa trên sự

kết hợp giữa ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ làm công tác GDPL. Kích thích việc hoàn thành nhiệm vụ bằng lợi ích kinh tế có ý nghĩa to lớn đối với tính tích cực lao động của con người, tạo môi trường làm việc tích cực.

Bản thân việc kích thích vật chất cũng đã chứa đựng yếu tố cổ vũ về tinh thần, đó là sự thừa nhận của tập thể đối với kết quả lao động, phẩm chất, năng lực của mỗi người. Bằng nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của các địa phương, xây dựng cơ chế khen thưởng trong quản lý hoạt động giáo dục nói riêng, khen thưởng xứng đáng cho những, tổ chức, cơ quan, cán bộ có thành tích trong hoạt động GDPL cho PN vùng DTTS.

Biện pháp kinh tế thường được kết hợp với phương pháp hành chính tổ chức. Hai phương pháp này bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau. Ngày nay trong bối cảnh cơ chế thị trường, việc vận dụng phương pháp kinh tế phải thận trọng để một mặt khuyến khích tính tích cực lao động của cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật các cấp, mặt khác vẫn đảm bảo tổ chức thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị chủ thể thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật.

#### c) QL hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS

Xây dựng và lựa chọn hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS cần căn cứ vào tính phù hợp giữa hình thức giáo dục với đối tượng được giáo dục pháp luật (trình độ nhận thức, điều kiện sống, phong tục tập quán); tính khả thi của hình thức giáo dục với điều kiện của địa bàn thực hiện (điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất và sự tham gia của đối tượng tại địa phương); tính hiệu quả của hình thức giáo dục (số lượng đối tượng tham gia, tác động của các nội dung luật được giáo dục đến ý thức của đối tượng thể hiện qua tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, tình hình khiếu nại, tố cáo ở địa phương...).

Trên thực tế, các hình thức GDPL rất đa dạng, phong phú, tuy nhiên trong giới hạn phạm vi của luận văn, chúng tôi nghiên cứu và đưa ra một số hình thức GDPL phổ biến cho phụ nữ vùng DTTS, đó là:

*Thông qua hình thức tuyên truyền miệng:* Tuyên truyền miệng về pháp luật là một hình thức tuyên truyền mà người nói trực tiếp nói với người nghe về lĩnh vực pháp luật trong đó chủ yếu là các văn bản pháp luật đó nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật, niềm tin vào pháp luật và ý thức pháp luật cho người nghe và kích thích người nghe hành động theo các chuẩn mực pháp luật.

Tuyên truyền miệng về pháp luật có nhiều ưu thế thể hiện ở tính linh hoạt, có thể tiến hành ở bất cứ nơi nào, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào và số lượng người nghe; người nói có điều kiện thuận lợi để giải thích, phân tích, làm sáng tỏ nội dung cần tuyên truyền, hai bên có thể hỏi đáp trực tiếp để đáp ứng yêu cầu của nhau.

Trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật từ trước đến nay, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tuyên truyền miệng được sử dụng phổ biến, rộng rãi và có mối quan hệ chặt chẽ với các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác. Vì vậy, việc xác định và nhấn mạnh vai trò của tuyên truyền miệng trong phổ biến, giáo dục pháp luật được thể hiện nhiều trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tuyên truyền miệng với một số hạn chế vốn có như không thể áp dụng đối với các đối tượng không cùng ngôn ngữ, lời nói chỉ tác động vào thính giác, đòi hỏi người nghe sự theo dõi, tập trung,... đặc biệt với các tiện ích của phương tiện, thông tin, đại chúng và công nghệ thông tin đang tác động đáng kể đến vai trò của tuyên truyền miệng. Vì vậy, để tạo cơ sở mang tính định hướng trong tổ chức thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, việc thể chế hoá bằng quy phạm pháp luật đối với hình thức tuyên truyền miệng là cần thiết.

*Thông qua tổ chức các Hội thi tìm hiểu pháp luật:* Thi tìm hiểu pháp luật là một trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, là cầu nối



chuyên tải những nội dung pháp luật vào cuộc sống, là hình thức sinh hoạt văn hoá pháp lý có sức hấp dẫn và hiệu quả. Những nội dung pháp luật được chuyên tải đến các đối tượng thông qua cuộc thi một cách đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ hơn, sinh động hơn, tránh được sự cứng nhắc, khô cứng. Kết quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hình thức thi tìm hiểu pháp luật tác động trực tiếp đến ý thức pháp luật của người dự thi, qua đó là nơi giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật của cả người tổ chức cuộc thi và người theo dõi, tìm hiểu cuộc thi.

*Thông qua xây dựng các mô hình tại cơ sở, sinh hoạt các câu lạc bộ:* Các mô hình, câu lạc bộ này là một tổ chức sinh hoạt pháp lý tự nguyện của những người có nhu cầu tìm hiểu pháp luật, có tinh thần tham gia đấu tranh bảo vệ pháp luật, nhiệt tình tuyên truyền giáo dục pháp luật.

Đó là hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật qua sinh hoạt của hội viên, khách mời để giao lưu, học tập, trao đổi kiến thức pháp luật cần thiết, tạo điều kiện để họ đề đạt và kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến và thực thi pháp luật.

*Thông qua tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và hoạt động hòa giải tại cơ sở:* Tư vấn pháp luật là việc giải đáp pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý nhằm giúp công dân, tổ chức trong nước và nước ngoài thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Thông qua tư vấn pháp luật, người làm công tác GDPL tuyên truyền, phổ biến, giải thích pháp luật nhằm nâng cao văn hoá pháp lý cho công dân trong cộng đồng xã hội. Hoạt động tư vấn pháp luật là cầu nối quan trọng giữa người xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, thực thi pháp luật và những người là đối tượng của việc áp dụng pháp luật.

Trợ giúp pháp lý là sự giúp đỡ miễn phí của các tổ chức trợ giúp pháp lý của Nhà nước cho người nghèo, đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận với các dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa) nhằm

bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội.

Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý sẽ giúp các đối tượng nắm bắt được các thông tin pháp lý, hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình trong các quan hệ pháp luật, hướng dẫn phương pháp xử sự các hoàn cảnh cụ thể phù hợp với pháp luật và tránh được những hậu quả pháp lý bất lợi, hướng dẫn công dân, tổ chức tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Để quản lý các hình thức GDPL cho PN vùng DTTS, các chủ thể quản lý cần phân công trách nhiệm cụ thể cho các lực lượng tham gia quản lý GDPL: Hội đồng đồng phối hợp công tác PBGDPL, các ngành thành viên trong tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS.

Hoạt động kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin, báo cáo; sơ kết, tổng kết; thi đua, khen thưởng cần được xác định cụ thể: Cơ quan tham mưu giúp việc cho Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm xây dựng quy chế hoạt động triển khai đến các tổ chức thành viên. Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát hàng năm; quy định với các đơn vị cấp cơ sở về chế độ thông tin báo cáo, sơ tổng kết hoạt động giáo dục pháp luật cho nhân dân, cho phụ nữ vùng DTTS và khen thưởng kịp thời đối các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân, đặc biệt là cho người dân vùng DTTS trên địa bàn huyện.

#### d) QL các lực lượng tham gia GDPL cho phụ nữ vùng DTTS

Việc quản lý các lực lượng tham gia GDPL cần được quan tâm tổ chức chặt chẽ, đảm bảo tính chuyên sâu cao, không có sự chông chéo trong thực hiện nhiệm vụ. Lực lượng tham gia GDPL bao gồm: Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên, cộng tác viên trợ giúp pháp lý... được tổ chức và hoạt động từ trung ương tới các tỉnh, thành phố, cấp huyện và cơ sở. Hoạt động của các lực lượng tham gia GDPL có kế hoạch, chương trình, mục tiêu và giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Đối với Báo cáo viên pháp luật : Luật PBGDPL quy định báo cáo viên pháp luật là cán bộ , công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận để kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật (Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật trung ương ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cùng cấp ). Các tiêu chuẩn của báo cáo viên pháp luật gồm : Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác; có khả năng truyền đạt; có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm. Báo cáo viên có trách nhiệm thực hiện GDPL cho PN vùng DTTS theo chứng năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật PBGDPL và sự phân công của cơ quan quản lý trực tiếp báo cáo viên.

Đối với các tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở: những người có kiến thức, hiểu biết pháp luật, người có uy tín được xem xét để công nhận là tuyên truyền viên pháp luật ở xã, phường, thị trấn hoặc được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

#### *1.4.2.3. QL công tác kiểm tra, đánh giá GDPL cho phụ nữ vùng DTTS*

Kiểm tra là công việc diễn ra ở mọi giai đoạn trong quá trình quản lý nhằm vào việc đánh giá tiến độ, nhịp độ của quá trình quản lý so với kế hoạch xác định mức độ đạt được so với mục tiêu đề ra. Phát hiện sai sót, khuyết điểm cần khắc phục đồng thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh để tìm biện pháp giải quyết; rút ra những bài học kinh nghiệm cho quá trình quản lý tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn.

- Lập kế hoạch kiểm tra đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS: Kế hoạch được xây dựng theo từng năm hoặc kế hoạch kiểm tra đột xuất; kế hoạch phải

có mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, địa điểm, hình thức, phân công thực hiện, kinh phí thực hiện.

- Xây dựng các tiêu chí kiểm tra đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS: Các tiêu chí đánh giá phù hợp với nội dung kiểm tra đánh giá.

- Lực lượng tham gia kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện GDPL cho PN vùng DTTS: Ủy ban nhân dân, Hội đồng PBGDPL, Tư pháp, các ban ngành đoàn thể,...

- Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá: Thành lập đoàn kiểm tra, kiểm tra trực tiếp thông qua làm việc với nơi được kiểm tra; nghiên cứu các báo cáo kết quả hoạt động giáo dục pháp luật; nghiên cứu các sản phẩm tổ chức các hoạt động giáo dục PL...

Công tác kiểm tra, đánh giá phải bao gồm các thiết chế được thành lập chuyên trách, theo cấp đơn vị hành chính, trực thuộc các cơ quan tư pháp, với cách thức hoạt động thường xuyên, kịp thời. Hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng cần phải đặt ra với tất cả các hình thức, loại việc, chủ thể tiến hành GDPL. Quá trình kiểm tra, đánh giá phải trên cơ sở xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá chất lượng GDPL cho PN vùng DTTS hàng năm. Theo đó, cũng cần phải xây dựng một bộ tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động GDPL với từng loại hình GDPL để làm căn cứ kiểm tra, đánh giá, đồng thời là cơ sở để góp phần xác định trách nhiệm pháp lý cá nhân đối với các chủ thể liên quan, nếu có vi phạm trong quá trình tiến hành công tác GDPL cho PN vùng DTTS.

Kết quả công tác kiểm tra đánh giá sẽ là căn cứ để đề xuất, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch quản lý GDPL cho PN vùng DTTS đạt hiệu quả trong những thời gian tiếp theo.

## **1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc QL GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

### ***1.5.1. Phong tục tập quán địa phương***

Phong tục, tập quán là: *"những thói quen đã được mọi người tuân thủ tại một địa phương trong một hoàn cảnh bắt buộc phải chấp nhận lễ thói ấy như một phân luật pháp của địa phương"*. Như vậy, phong tục, tập quán thực

chất là những qui tắc xử sự mang tính cộng đồng, phản ánh nguyện vọng qua nhiều thế hệ của toàn thể dân cư trong một cộng đồng tự quản (làng, xã, khu vực). Các qui tắc này được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội nói chung, quan hệ hôn nhân và gia đình nói riêng mang tính tộc người hoặc mang tính khu vực [25]. Do đó, PN vùng DTTS thường tin tưởng vào tính công bình, sáng suốt, chính xác của các qui tắc xử sự này, nên chúng thường có tính hiệu lực cao (đặc biệt, khi những phong tục, tập quán được phát triển dưới hình thức hương ước hoặc luật tục). Tuy nhiên, quản lý GDPL cho PN vùng DTTS chịu sự ảnh hưởng lớn của phong tục tập quán địa phương. Với quan niệm việc bếp núc, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc con cái, nội trợ... là của phụ nữ, việc kiếm tiền, xây nhà cửa, quan hệ xã hội là của nam giới khiến cho công tác GDPL gặp nhiều khó khăn. Điều này dẫn đến thực tế là việc quản lý thực hiện mục tiêu cũng như triển khai nội dung GDPL đến từng cá nhân gặp những khó khăn nhất định. Với quan niệm về vai trò của người phụ nữ trong gia đình là phải vun vén cho tổ ấm gia đình, hy sinh cho chồng, cho con, nuôi dạy con cái ăn học, đảm đang gánh vác công việc gia đình, các công việc khác chỉ là thứ yếu, định kiến giới và tư tưởng trọng nam, khinh nữ, đặt người PN DTTS ở vị trí thứ yếu, chịu thiệt thòi trên nhiều lĩnh vực, ít có cơ hội tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương, dẫn tới tâm lý tự ti và thói quen sống an phận, chịu đựng khiến PN không muốn thay đổi nếp nghĩ, nếp sống, tập quán của mình.

Trong xã hội ngày nay, định kiến giới đã dần dần được thay đổi, phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội được học hành, tiếp cận với khoa học, kỹ thuật nâng cao trình độ của bản thân hội nhập với sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên những định kiến đó vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của xã hội nói chung và của phụ nữ nói riêng.

### ***1.5.2. Điều kiện kinh tế - xã hội địa phương***

Cùng với xu thế phát triển kinh tế xã hội chung, kinh tế xã hội vùng DTTS những năm qua có sự tăng trưởng và phát triển đáng kể, những chính sách kinh tế vĩ mô cũng như các chương trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đã

góp phần làm nên diên mạo mới cho vùng DTTS. Tuy nhiên nghèo đói vẫn là vấn đề lớn ở khu vực này do địa hình phức tạp bị chia cắt nhiều bởi sông suối và núi đá, đất dốc và diện tích đất canh tác ít khó canh tác trong khi đó bản thân hộ nghèo lại thiếu vốn sản xuất, kỹ thuật. Chính vì vậy cuộc sống của nhân dân chủ yếu dựa vào nương rẫy. Thực tế đó đã dẫn đến việc người dân đốt phá rừng bừa bãi gây ra nhiều thảm họa thiên nhiên, và nó lại tác động trực tiếp đến cuộc sống của người dân. Mặt khác, phụ nữ vùng DTTS thường có trình độ thấp, thiếu kiến thức xã hội, kiến thức pháp luật. Do đó ảnh hưởng đến của công tác giáo dục pháp luật và hiệu quả công tác quản lý GDPL cho người dân nói chung, cho PN vùng DTTS nói riêng. Kinh tế - xã hội phát triển năng động, bền vững sẽ là điều kiện thuận lợi để hoạt động GDPL và quản lý GDPL đạt được chất lượng, hiệu quả cao. Ngược lại, khi kinh tế - xã hội phát triển chậm, thiếu bền vững sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng, hiệu quả GDPL và quản lý GDPL cho PN vùng DTTS.

### ***1.5.3. Cơ chế chính sách đối với phụ nữ vùng dân tộc thiểu số***

Hệ thống văn bản PL là phương tiện đảm bảo thông tin cho hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước. Văn bản PL là phương tiện truyền đạt các nội dung quản lý của các chủ thể có thẩm quyền đến đối tượng quản lý. Hệ thống văn bản có chức năng thông tin, quản lý và chức năng pháp lý. Hệ thống văn bản có ảnh hưởng đến GDPL, ví dụ như một hệ thống hành lang pháp lý chặt chẽ phù hợp với đặc điểm vùng miền sẽ phát huy được hiệu lực của văn bản, từ đó làm cho văn bản được ban hành đi vào thực tế cuộc sống, phát huy được chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội - một trong những chức năng quan trọng của văn bản pháp luật nói riêng, pháp luật nói chung.

Trong quá trình đổi mới, nhận thấy rõ tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, Đảng và Nhà nước ta đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân. Ban hành các văn bản pháp luật, nhằm đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác PBGDPL,

như: Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2003- 2007. Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Nghị Quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 04/5/2009 về Phê duyệt Đề án "Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 2009 đến năm 2012" gồm 4 tiểu đề án (*trong đó có 01 đề án về tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho phụ nữ nông dân và phụ nữ DTTS do Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chủ trì thực hiện*).

Để cụ thể hóa việc thực hiện các chủ trương, văn bản pháp luật trên, Các bộ, ban, ngành, đoàn thể đã chủ động, tích cực phối hợp xây dựng các văn bản liên tịch nhằm đẩy mạnh triển khai công tác PBGDPL: Thông tư số 63/2005/TT-BTC ngày 05/8/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL. Thông tư số 73/2009/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp xây dựng các Chương trình phối hợp với Trung ương Hội LHPN Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam...

Trước yêu cầu đổi mới và phát triển của đất nước, để thực hiện tốt hơn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, Năm 2012, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật được ban hành đã nâng cao một bước công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và cho đối tượng là người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nói riêng. Đây là cơ sở pháp lý toàn diện, đầy đủ cho hoạt động

phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai ngang tầm với nhiệm vụ được giao trong giai đoạn hiện nay.

#### ***1.5.4. Trình độ dân trí***

Có thể nói cho dù có chiến lược, có chủ trương chính sách của các cấp lãnh đạo vì sự tiến bộ và phát triển của phụ nữ nhưng sẽ không thể thực hiện có hiệu quả nếu thiếu đi sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vai trò, địa vị cũng như trách nhiệm của cá nhân người phụ nữ. Hiện nay, một bộ phận phụ nữ còn tự ti, thụ động, thiếu nghị lực và ý chí vươn lên trong cuộc sống. Một bộ phận phụ nữ bị lôi cuốn theo lối sống thực dụng, cá nhân ích kỷ, xa rời với đạo đức, truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, vi phạm pháp luật, tiếp tay cho tệ nạn xã hội phát triển. Nguyên nhân sâu xa của những hạn chế này là do người phụ nữ chưa có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân. Những phụ nữ thiếu tự tin, thụ động, thiếu ý chí vươn lên thường ít được học hành và sống trong môi trường gia đình cổ hủ, có nhiều thành kiến. Họ cho rằng phụ nữ chỉ có và chỉ nên làm công việc nội trợ, chăm sóc chồng con. Chính vì những nhận thức đó sẽ khó có sự bình đẳng thật sự giữa nam và nữ. Tâm lý mặc cảm, ngại phấn đấu sẽ khiến người phụ nữ tự làm thui chột đi tiềm năng vốn có. Những người phụ nữ như vậy không góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội mà còn bào mòn dần những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục duy trì phong tục tập quán lạc hậu (cúng bái, mê tín dị đoan...).

Giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS hiệu quả thì khả năng nhận thức, năng lực nhận thức của phụ nữ được nâng lên, phụ nữ được nâng cao hiểu biết về pháp luật từ đó có hành vi đúng, biết cách xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong đời sống hàng ngày, biết tự bảo vệ mình và bảo vệ người khác theo quy định của pháp luật.

#### ***1.5.5. Năng lực cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật***

Trình độ năng lực của người quản lý là yếu tố quyết định đến chất lượng giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Khi có trình độ năng lực,



nhà quản lý xây dựng được kế hoạch, nội dung, chương trình phù hợp, xuất phát từ thực tế, từ những vấn đề mà đối tượng được giáo dục đang cần, đang thiếu, do vậy hoạt động giáo dục sẽ đạt được mục tiêu đề ra. Sau khi được giáo dục, đối tượng tham gia giáo dục được nâng cao kiến thức, hiểu biết về pháp luật và có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tại cơ sở sẽ hiệu quả hơn. Ngược lại, nếu không có trình độ, năng lực thì tất cả các nội dung, chương trình được xây dựng đều mang tính chủ quan, không dựa trên nhu cầu thực tế, do vậy chất lượng giáo dục pháp luật đạt được không cao, không đạt được mục tiêu đề ra, dẫn đến việc lãng phí nguồn lực thực hiện và hoạt động giáo dục mang tính hình thức.

Do đó, để làm tốt công tác giáo dục pháp luật cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cần có năng lực:

Có kiến thức hiểu biết pháp luật nói chung, Bình đẳng giới, tình hình phụ nữ, một số chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của địa phương, kiến thức xã hội rộng, hiểu biết về đối tượng được giáo dục; khi giáo dục cần dự kiến trước các tình huống xảy ra để có phương án xử lý; nắm vững các vấn đề liên quan đến lĩnh vực văn bản pháp luật giáo dục cho phụ nữ; hiểu rõ đối tượng, ý nghĩa của các quy phạm, các chế tài...; Tình hình kinh tế - xã hội, các phong tục, tập quán của địa phương; nắm chắc đặc điểm tình hình hội viên, phụ nữ, cán bộ nữ, những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Có kỹ năng tìm hiểu; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng quan sát; kỹ năng truyền đạt; kỹ năng động viên; kỹ năng xây dựng kế hoạch; kỹ năng phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ...

Ngoài ra người cán bộ làm công tác quản lý cần có một số các yêu cầu như: có sự nhiệt tình, tâm huyết, tận tụy, có khả năng viết và nói; hòa đồng; hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện xã hội của mỗi địa bàn dân tộc, miền núi nhất định...

## **Kết luận chương 1**

Giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số có vai trò đặc biệt quan trọng trong nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số và giúp phụ nữ vùng DTTS có thể tự bảo vệ mình, góp phần xây dựng chất lượng cuộc sống bền vững.

QLGDPL cho PN vùng DTTS bao gồm quản lý mục tiêu giáo dục pháp luật; quản lý kế hoạch giáo dục pháp luật, quản lý các nội dung giáo dục pháp luật; hình thức, phương pháp; các lực lượng giáo dục và quản lý công tác kiểm tra đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS.

Quản lý giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: Phong tục tập quán địa phương; điều kiện kinh tế - xã hội; các văn bản quy phạm pháp luật và việc tổ chức thực thi hệ thống văn bản luật của địa phương; trình độ nhận thức của PN vùng DTTS và năng lực của cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác giáo dục PL các cấp.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

### 2.1. Khái quát địa bàn khảo sát và tổ chức khảo sát thực trạng

#### 2.1.1. Khái quát về địa bàn khảo sát

##### 2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Võ Nhai

Võ Nhai là huyện vùng cao duy nhất của tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 37km về phía Đông Bắc; phía Bắc giáp huyện Chợ Mới, Na Rì (Bắc Cạn), phía Tây giáp huyện Đồng Hỷ, phía Nam giáp huyện Yên Thế (Bắc Giang) và phía Đông giáp huyện Bình Gia, Bắc Sơn, Hữu Lũng (Lạng Sơn). Địa hình của huyện Võ Nhai chủ yếu là đồi núi cao, nằm trong cánh cung Bắc Sơn, bị chia cắt bởi các thung lũng nhỏ và hệ thống sông suối khá phức tạp. Khí hậu ở Võ Nhai chia thành bốn mùa rõ rệt, trong đó mùa đông có khí hậu khá khắc nghiệt với các đợt không khí lạnh kéo dài gây ra rét đậm, rét hại ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống, sản xuất của nhân dân.

Tài nguyên, thiên nhiên của huyện Võ Nhai tương đối phong phú và đa dạng. Rừng che phủ 64,9% diện tích; tài nguyên khoáng sản có các loại quặng kim loại màu như vàng, chì, quặng sắt... Đất trồng chủ yếu là đất feralit được rửa trôi, tích tụ ở các thung lũng và vùng đồi thấp...

Võ Nhai là huyện có diện tích lớn nhất (845,10 km<sup>2</sup>) và mật độ dân số thấp nhất trong tỉnh (67.318 người, xấp xỉ 80 người/1 km<sup>2</sup>); huyện có 01 thị trấn và 14 xã với các dân tộc sinh sống chủ yếu là Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Hoa,... Trong đó dân tộc Kinh chiếm 32,1%, dân tộc Tày chiếm 22,7%, dân tộc Nùng chiếm 20,2%, dân tộc Dao chiếm 14,1%, dân tộc Mông chiếm 6,2%, dân tộc Sán Chay chiếm 4,2%, còn lại là các dân tộc khác.

Tổng số lao động trong độ tuổi là 31.215 người chiếm 46,37% tổng số dân, trong đó lao động đã qua đào tạo chiếm 11,36%. Kinh tế xã hội, huyện Võ Nhai còn ở mức chậm phát triển, tổng giá trị sản phẩm toàn huyện ước đạt

422,9 tỉ đồng (giá so sánh năm 1994); thu nhập bình quân đầu người thấp, chỉ đạt khoảng 6,5 triệu đồng/người/năm... Năm 2012, tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức 31,35%, cao nhất tỉnh Thái Nguyên.

Võ Nhai có tiềm năng phong phú và đa dạng về tài nguyên, có nguồn lao động tương đối dồi dào với những truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời, thiên nhiên hoang sơ, núi non hùng vĩ, tạo ra cho Võ Nhai tiềm năng phát triển du lịch sinh thái (khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng), du lịch văn hóa lịch sử (khu di tích rừng Khuôn Mảnh - Tràng Xá)...

Trong xu thế phát triển và hội nhập, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai đã tập trung nỗ lực phấn đấu tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức, quyết tâm từng bước xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền vững mạnh nhằm từng bước phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân... Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân luôn được quan tâm, nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân đặc biệt là cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số...

#### *2.1.1.2. Đặc điểm văn hóa truyền thống ảnh hưởng đến GDPL*

Võ Nhai là một trong những cái nôi của người nguyên thủy, nơi cư trú lâu đời của người Việt cổ. Kết quả khảo cổ học tại xã Thần Sa (Võ Nhai - Thái Nguyên) cho thấy loài người đã sinh sống tại đây từ hàng vạn năm về trước. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, cư dân từ nhiều nơi về đây tạo thành một cộng đồng nhiều dân tộc khác nhau. Họ giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình và bổ sung, làm phong phú hơn lên, tạo nên bản sắc văn hóa của vùng đất Võ Nhai. Những nét văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao Võ Nhai có thể kể đến là những sinh hoạt văn hóa mang tính chất nghi lễ mỗi dịp xuân về; lễ mừng sinh nhật của người Nùng, tục ăn Tết lại ở vùng Liên Minh, Tràng Xá... Phong tục, tập quán, thói quen ăn sâu

bám dẽ trong suy nghĩ của cộng đồng dân cư vừa tạo nên tính cố kết cộng đồng, dòng họ, gắn bó các thành phần dân cư lại với nhau vừa là điểm thuận lợi trong công tác GDPL nhưng cũng sẽ là thách thức lớn nếu ta không biết cách khai thác, vận dụng. Trong công tác GDPL cần phát huy được vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư trong việc động viên con cháu, dòng họ và cộng đồng chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước... Nội dung, cách thức tuyên truyền GDPL phải phù hợp đặc điểm tâm lý, phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số...

### **2.1.2. *Khái quát về GDPL cho PN vùng DTTS của huyện Võ Nhai***

#### **2.1.2.1. *Các cơ quan, tổ chức, báo cáo viên làm công tác giáo dục PL***

Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL huyện Võ Nhai là cơ quan thường trực, giữ vai trò chủ yếu, làm đầu mối cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến GDPL trên địa bàn huyện. Hội đồng có 27 thành viên đại diện cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; Phòng Tư pháp huyện là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Huyện Võ Nhai hiện có 28 báo cáo viên pháp luật cấp huyện, 59 tuyên truyền viên pháp luật; 175 tổ hòa giải với 1.074 hòa giải viên. Ủy ban nhân dân huyện rà soát tổng hợp định kỳ để từ đó kịp thời củng cố, kiện toàn mạng lưới báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên cấp xã. Huy động đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, cán bộ công chức ngành tư pháp và các cơ quan thực thi pháp luật trên địa bàn tích cực tham gia vào đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên để thực hiện công tác PBGDPL. Trong giai đoạn 2013 - 2016, Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL huyện phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý của tỉnh đã tổ chức được 35 chuyến trợ giúp pháp lý lưu động cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS với trên 3.500 người dự, nghe tư vấn về kiến thức pháp luật phổ thông.

Bên cạnh đội ngũ báo cáo viên pháp luật còn có hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội được tổ chức ở cấp huyện và cơ sở. Đội ngũ này giữ vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền

các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Tài liệu phục vụ cho công tác tuyên truyền, PBGDPL được cung cấp đầy đủ, cùng với thông tin được lĩnh hội trực tiếp tại các hội nghị báo cáo viên cấp tỉnh, cấp huyện giúp báo cáo viên, tuyên truyền viên chủ động trong việc tuyên truyền, GDPL cho nhân dân...

#### *2.1.2.2. Khái quát về tình hình PN vùng DTTS và vấn đề GDPL cho PN vùng DTTS của huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên*

Hội LHPN huyện Võ Nhai là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ; đoàn kết, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động, tổ chức hướng dẫn phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Hiện nay, Hội LHPN huyện Võ Nhai có 16 cơ sở Hội trực thuộc, 232 chi hội với tổng số 9.516 hội viên, chiếm khoảng 80,5 % phụ nữ từ 18 tuổi trở lên.

Là huyện vùng cao với tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 67,9% dân số, nên Võ Nhai cũng là địa phương có số lượng phụ nữ DTTS cao nhất tỉnh Thái Nguyên. Phụ nữ DTTS sinh sống chủ yếu tại 11/15 xã, thị trấn của huyện Võ Nhai, là những địa bàn vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, BCH Hội LHPN huyện Võ Nhai luôn dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác Hội và phong trào phụ nữ vùng DTTS trên địa bàn từ việc tăng cường cán bộ theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ đến việc hỗ trợ vốn vay ưu đãi xóa đói giảm nghèo; triển khai nhiều chương trình giúp nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tăng thu nhập cho chị em và gia đình...

Nhờ có sự chủ động, tích cực trong triển khai thực hiện; được sự ủng hộ giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự hưởng ứng tham gia tích cực của chị em cán bộ, hội viên, phụ nữ, tình hình phụ nữ DTTS trên địa bàn huyện Võ Nhai đã có nhiều chuyển biến: tỷ lệ thu hút phụ nữ vào sinh hoạt Hội đạt 80,5%; riêng trong năm 2016 số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ thoát nghèo là

45 hộ, trong đó có 37 hộ thoát nghèo là phụ nữ DTTS (Nguồn: Báo cáo của Hội LHPN huyện Võ Nhai).

Công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân vùng DTTS nói chung, phụ nữ vùng DTTS nói riêng luôn được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, cũng như của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội từ huyện tới cơ sở. Phụ nữ được tiếp cận thông tin về pháp luật, được GDPL thông qua nhiều hình thức, do nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức khác nhau thực hiện như: cơ quan tư pháp, ngành văn hóa, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, công an...

Kết quả tổng hợp trên cơ sở điều tra ngẫu nhiên 110 phụ nữ ở 11 xã thuộc vùng DTTS của huyện Võ Nhai cho thấy, chính quyền địa phương, tổ chức Hội LHPN và các cơ quan, đơn vị rất quan tâm tới công tác GDPL cho người dân vùng DTTS nói chung, phụ nữ vùng DTTS nói riêng. Chị em phụ nữ được tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn, trong đó chủ yếu từ cơ quan tư pháp các đoàn thể chính trị - xã hội tại địa phương. 73,6% số người được hỏi cho biết được tiếp cận với hoạt động GDPL thông qua cơ quan tư pháp; trong khi đó 76,3% người được hỏi cho biết họ được GDPL thông qua tổ chức Hội phụ nữ. Điều này cũng cho thấy hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị đã gắn bó nhiều hơn với nhân dân, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia hưởng ứng tích cực.

Tìm hiểu về các hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS, chúng tôi đã tiến hành xin ý kiến của 80 đồng chí là lãnh đạo quản lý cấp ủy, chính quyền địa phương và một số ban, ngành liên quan; cán bộ quản lý chủ chốt cấp xã; cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách Hội LHPN các cấp, kết quả như sau: các hình thức GDPL cho người dân vùng DTTS là khá phong phú và đa dạng, từ sinh hoạt văn nghệ cộng đồng đến việc tổ chức hội họp; từ phát tờ rơi, sử dụng tủ sách pháp luật đến việc tư vấn lưu động, trợ giúp pháp lý... Trong các hình thức GDPL, công tác tuyên truyền miệng được đánh giá cao với 71,3% số người được hỏi cho biết họ thường xuyên hoặc thỉnh thoảng được nghe tuyên truyền, GDPL thông qua tuyên truyền miệng. Một số hình thức GDPL khác

cũng có hiệu quả cao ở vùng DTTS là thông qua hòa giải ở cơ sở, thông qua nhóm hội viên nông cốt; tìm hiểu qua báo, tạp chí, tờ tin...

Kết quả trên cho thấy sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến đời sống tinh thần của đồng bào vùng DTTS qua việc tăng cường trang bị sách, báo, qua việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền miệng là hình thức tuyên truyền phù hợp với vùng có điều kiện kinh tế xã hội, giao thông đi lại khó khăn. Cũng qua kết quả điều tra trên cho thấy cần tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng điển hình tiên tiến trong đồng bào, đổi mới nội dung sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm, tổ để thu hút ngày càng nhiều hội viên tham gia...

### **2.1.3. Tổ chức khảo sát thực trạng**

#### *2.1.3.1. Mục đích*

Khảo sát thực trạng nhận thức và thực trạng tổ chức GDPL cho PN vùng DTTS. Khảo sát về nhận thức và thực trạng tổ chức quản lý GDPL cho PN vùng DTTS.

#### *2.1.3.2. Đối tượng khảo sát*

Khảo sát tại 11 xã của huyện Võ Nhai, bao gồm các xã: Liên Minh, Tràng Xá, Dân Tiến, Bình Long, Phương Giao, Cúc Đường, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thượng Nung, Thần Sa.

Số lượng khách thể khảo sát: 80 cán bộ quản lý cấp ủy, chính quyền địa phương, cán bộ quản lý chủ chốt cấp xã; cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách Hội LHPN huyện, cụ thể: Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và 2 cán bộ chuyên trách Hội LHPN huyện; 11 Chủ tịch và 11 Phó Chủ tịch Hội LHPN xã; 11 Bí thư đảng ủy, 11 Chủ tịch UBND xã; 31 cán bộ quản lý ngành liên quan; 110 phụ nữ tại 11 xã.

#### *2.1.3.3. Phương pháp khảo sát*

Sử dụng phương pháp chủ đạo là điều tra bằng bảng hỏi trên 2 nhóm đối tượng (Cán bộ quản lý các cấp và phụ nữ vùng DTTS), kết hợp với phương pháp đàm thoại, hỏi đáp, sản phẩm hoạt động.



## 2.2. Thực trạng GDPL cho PN vùng DTTS của huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

### 2.2.1. Cơ quan, đơn vị tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật

Tìm hiểu thực trạng GDPL cho PN vùng DTTS của huyện Võ Nhai, chúng tôi xác định cần khảo sát để nắm được những cơ quan, đơn vị đã tham gia tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật trên địa bàn, mức độ tham gia của từng đơn vị. Việc khảo sát những hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ tại địa phương có ý nghĩa quan trọng trong việc đề ra các phương pháp, cách thức giáo dục pháp luật phù hợp. Thực hiện khảo sát, chúng tôi sử dụng câu hỏi số 2 Phụ lục 2, kết quả thu được qua xử lý thể hiện ở Bảng 2.1 dưới đây:

**Bảng 2.1: Thực trạng cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS**

Cơ quan/tổ chức	Mức độ					
	Thường xuyên	Tỷ lệ (%)	Thỉnh thoảng	Tỷ lệ (%)	Không bao giờ	Tỷ lệ (%)
1. Tư pháp	45	40.9	36	32.7	29	26.4
2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	14	12.7	25	22.7	71	64.5
3. Hội Liên hiệp Phụ nữ	49	44.5	35	31.8	26	23.6
4. Hội Nông dân	23	20.9	35	31.8	52	47.3
5. Hội Cựu chiến binh	20	18.2	28	25.5	62	56.4
6. Công an	31	28.2	38	34.5	41	37.3
7. Đoàn Thanh niên	45	40.9	27	24.5	38	34.6
8. Hội Luật gia	11	10.0	18	16.4	81	73.6
9. Ngành Văn hóa, thể thao	35	31.8	31	28.2	44	40.0
10. Trưởng xóm, bản, tổ dân phố	23	20.9	39	35.5	48	43.6

Như vậy, có đến 73,6% phụ nữ được hỏi cho biết chưa bao giờ biết đến hoặc tham gia hoạt động GDPL của Hội Luật gia; 43,6% phụ nữ chưa được GDPL thông qua đội ngũ trưởng xóm, bản... Đây là con số rất đáng suy nghĩ, bởi lẽ Hội Luật gia là tổ chức đoàn kết, tập hợp rộng rãi các luật gia đã và đang làm công tác pháp luật trong cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức giáo dục, lực lượng vũ trang...; họ là những người rất am hiểu pháp luật, nhưng lại có rất ít thời gian tham gia hoạt động GDPL tại cơ sở. Tương tự, trưởng xóm, bản là “cánh tay nối dài” của chính quyền cơ sở, là những người rất gần dân, sát dân nhưng trong hoạt động lại chưa thường xuyên quan tâm tới việc GDPL cho người dân nói chung, PN vùng DTTS nói riêng...

53,8% người được hỏi là lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Hội LHPN... cho biết tại địa phương phụ nữ DTTS chưa bao giờ được tiếp cận với tờ rơi, tờ gấp, sách hỏi đáp về pháp luật. Một số hình thức GDPL khác cũng khá xa lạ đối với PN vùng DTTS, đó là: thông qua các phiên tòa xét xử lưu động (có 61,3% chưa bao giờ thấy), tuyên truyền thông qua băng hình, băng tiếng (58,8% chưa bao giờ thấy), trợ giúp pháp lý (52,5% chưa bao giờ thấy)... Chi tiết xin xem bảng 2.2 dưới đây:

**Bảng 2.2: Thực trạng hình thức GDPL cho phụ nữ tại địa phương**

Hình thức GDPL cho phụ nữ	Mức độ					
	Thường xuyên	Tỷ lệ (%)	Thỉnh thoảng	Tỷ lệ (%)	Không bao giờ	Tỷ lệ (%)
1. Tuyên truyền miệng	29	36,3	28	35,0	23	28,7
2. Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật	12	15	26	32,5	42	52,5
3. Hội nghị, hội thảo, tập huấn	16	20,0	31	38,8	33	41,2
4. Phát tờ rơi, tờ gấp, sách hỏi đáp pháp luật...	14	17,5	23	28,8	43	53,8
5. Sinh hoạt câu lạc bộ	17	21,25	19	23,8	44	55,0
6. Qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở	20	25	28	35,0	32	40,0
7. Tuyên truyền qua băng hình, băng tiếng	13	16,25	20	25,0	47	58,8
8. Sinh hoạt hội viên	22	27,5	26	32,5	32	40,0
9. Tư vấn lưu động	9	11,25	33	41,3	38	47,5
10. Phiên tòa xét xử lưu động	7	8,75	24	30,0	49	61,3
11. Trợ giúp pháp lý	10	12,5	28	35,0	42	52,5
12. Họp nhóm	18	22,5	19	23,8	43	53,8
13. Họp xóm, tổ dân phố	29	36,25	23	28,8	28	35,0
14. Thông qua nhóm hội viên nòng cốt	27	33,75	26	32,5	27	33,8
15. Thông qua gương điển hình	16	20	25	31,3	39	48,8
16. Thông qua hoạt động hòa giải cơ sở	28	35	25	31,3	27	33,8
17. Sử dụng tủ sách PL	26	32,5	23	28,8	31	38,8
18. Sinh hoạt văn hóa văn nghệ cộng đồng	21	26,25	29	36,3	30	37,5
19. Báo, tạp chí, tờ tin	32	40	23	28,8	25	31,3

Chính vì thiếu hiểu biết pháp luật, ít được giáo dục về pháp luật nên trên địa bàn huyện Võ Nhai còn khá phổ biến tình trạng sinh con thứ 3 (riêng 10 tháng đầu năm 2016 có 60/735 trẻ mới sinh là con thứ 3 trở lên, chiếm 8,2%); tình trạng vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng (4 tháng đầu năm 2016 đã phát hiện và xử lý 44 vụ); buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy...[31]. Điều này đòi hỏi cấp ủy, chính quyền cùng cả hệ thống chính trị phải tích cực, chủ động và sáng tạo hơn trong công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật cho đồng bào, nhất là cho phụ nữ DTTS trên địa bàn.

Có thể khẳng định rằng, cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật các cấp đều nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Tuy nhiên do GDPL là một lĩnh vực khó, đòi hỏi sự hiểu biết và có kiến thức pháp luật nhất định, trong khi cán bộ chuyên trách cấp huyện và cấp xã ở huyện Võ Nhai đều chưa qua đào tạo về ngành Luật. Bên cạnh đó, phụ nữ DTTS vẫn còn tâm lý e dè, ngại tiếp xúc, ngại ngừng khi nêu suy nghĩ của bản thân; cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật chưa thông thạo ngôn ngữ các DTTS nên cũng gặp khó khăn trong giao tiếp...

### ***2.2.2. Thực trạng về năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL cho PN vùng DTTS***

Nhìn một cách tổng thể, những năm gần đây, lực lượng làm công tác GDPL đã và đang dần được củng cố, kiện toàn, đồng thời có sự phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Đối với huyện Võ Nhai, cán bộ làm công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS ở huyện Võ Nhai có số lượng không nhiều, chỉ có 28 báo cáo viên và 59 tuyên truyền viên giáo dục pháp luật cấp huyện (100% báo cáo viên có trình độ chuyên môn Đại học Luật hoặc các chuyên ngành khác, và có kinh nghiệm trong lĩnh vực tuyên truyền pháp luật - *Nguồn số liệu*

*huyện Võ Nhai*). Cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cấp xã chủ yếu là cán bộ Tư pháp xã; Trưởng các ngành, đoàn thể địa phương như: Chủ tịch Hội LHPN, Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch UB MTTQ... những cán bộ này có kiến thức, hiểu biết về nội dung các pháp luật không sâu, do đó việc tuyên truyền giáo dục chỉ trên cơ sở vận động người dân có ý thức chấp hành pháp luật là chính.

Với địa bàn rộng (tương đương diện tích tự nhiên của tỉnh Hà Nam, Bắc Ninh), giao thông đi lại khó khăn, dân cư thưa thớt, số hội viên phụ nữ DTTS chiếm số lượng lớn thì yêu cầu nâng cao chất lượng đoàn kết tập hợp phụ nữ tham gia sinh hoạt tại các tổ chức nói chung, công tác tuyên truyền, GDPL cho phụ nữ nói riêng gặp không ít khó khăn. Đối với cấp xã, chất lượng cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật đã được từng bước nâng cao; được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên; chế độ đãi ngộ, kinh phí phục vụ hoạt động được quan tâm hơn trước; tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền được cung cấp đầy đủ hơn giúp cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật chủ động trong công tác tuyên truyền, vận động chị em hội viên, phụ nữ vùng DTTS...

### ***2.2.3. Thực trạng nội dung GDPL cho phụ nữ vùng DTTS***

Để tìm hiểu thực trạng nội dung giáo dục pháp luật mà phụ nữ vùng DTTS cần được giáo dục, chúng tôi sử dụng câu hỏi số 2, phụ lục 1 khảo sát trên cán bộ quản lý; kết quả khảo sát qua xử lý cụ thể như sau (xem bảng 2.3).

**Bảng 2.3: Thực trạng nhu cầu về nội dung giáo dục kiến thức pháp luật  
cho phụ nữ vùng DTTS**

Nội dung giáo dục PL	Mức độ					
	Rất cần thiết	Tỷ lệ %	Cần thiết	Tỷ lệ %	Không cần thiết	Tỷ lệ %
1. Luật Hôn nhân và gia đình	<b>63</b>	78.8	<b>10</b>	12.5	<b>7</b>	8.8
2. Bộ luật Lao động	<b>4</b>	5.0	<b>56</b>	70.0	<b>20</b>	25.0
3. Luật Đất đai	<b>48</b>	60.0	<b>12</b>	15.0	<b>20</b>	25.0
4. Bộ luật Hình sự	<b>14</b>	17.5	<b>35</b>	43.8	<b>31</b>	38.8
4. Bộ luật Dân sự	<b>8</b>	10.0	<b>38</b>	47.5	<b>34</b>	42.5
6. Luật Khiếu nại tố cáo	<b>5</b>	6.3	<b>26</b>	32.5	<b>49</b>	61.3
7. Luật Bình đẳng giới	<b>25</b>	31.3	<b>19</b>	23.7	<b>36</b>	45.0
8. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình	<b>38</b>	47.5	<b>16</b>	20.0	<b>26</b>	32.5
9. Luật Nuôi con nuôi	<b>9</b>	11.3	<b>16</b>	20.0	<b>55</b>	68.8
10. Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	<b>26</b>	32.5	<b>38</b>	47.5	<b>16</b>	20.0
11. PL về dân số, kế hoạch hóa gia đình	<b>29</b>	36.3	<b>18</b>	22.5	<b>33</b>	41.3
12. Pháp luật về phòng chống tội phạm	<b>29</b>	36.2	<b>19</b>	23.8	<b>32</b>	40.0
13. Pháp luật về phòng chống ma túy	<b>26</b>	32.5	<b>28</b>	35.0	<b>26</b>	32.5
14. Pháp luật về phòng chống mại dâm	<b>19</b>	23.8	<b>17</b>	21.3	<b>44</b>	55.0
15. Pháp luật về dân chủ cơ sở	<b>17</b>	21.3	<b>24</b>	30.0	<b>39</b>	48.7
16. Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em	<b>16</b>	20.0	<b>43</b>	53.8	<b>21</b>	26.3
17. Luật Giáo dục	<b>28</b>	35.0	<b>21</b>	26.3	<b>31</b>	38.8
18. Pháp luật về hộ tịch, hộ khẩu	<b>22</b>	27.5	<b>13</b>	16.3	<b>45</b>	56.3
19. Pháp luật về bảo vệ rừng	<b>23</b>	28.8	<b>34</b>	42.5	<b>23</b>	28.8
20. Pháp luật về bảo vệ môi trường	<b>26</b>	32.5	<b>19</b>	23.8	<b>35</b>	43.7
21. Pháp luật về chính sách dân tộc	<b>37</b>	46.2	<b>23</b>	28.8	<b>20</b>	25.0
22. Pháp luật về an toàn giao thông	<b>26</b>	32.5	<b>23</b>	28.8	<b>31</b>	38.8

Kết quả trên cho thấy, dưới góc độ nhà quản lý, hầu hết người được hỏi đều cho rằng cần phổ biến, GDPL cho phụ nữ DTTS, đặc biệt là tuyên truyền, giáo dục các luật, bộ luật liên quan trực tiếp tới đời sống của người dân như Luật Hôn nhân và gia đình (91,2% người được hỏi cho rằng cần thiết hoặc rất cần thiết), Luật Đất đai (75%), pháp luật về chính sách dân tộc (75%), pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (80%); pháp luật về bảo vệ rừng (71,2% người được hỏi cho rằng cần thiết hoặc rất cần thiết)... Một số luật, theo tác giả luận văn là quan trọng cần được sự quan tâm nhiều hơn của cán bộ quản lý để kịp thời tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong nhân dân và phụ nữ vùng DTTS. Ví dụ pháp luật về dân chủ ở cơ sở, liên quan mật thiết tới đời sống của người dân nhưng có tới 48,7% người được hỏi cho rằng không quan trọng. Tương tự như vậy là có 43,7% ý kiến trả lời chưa quan tâm đến việc tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; tỷ lệ này là 45% đối với Luật Bình đẳng giới...

Điều tra thực tế việc tuyên truyền phổ biến GDPL cho phụ nữ vùng DTTS, với câu hỏi *“Tại địa phương đồng chí, những nội dung kiến thức pháp luật nào đã được phổ biến, giáo dục cho phụ nữ?”*, chúng tôi thu được kết quả như sau (xem bảng 2.4)

**Bảng 2.4: Thực trạng nội dung kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS**

Nội dung kiến thức pháp luật	Mức độ					
	Thường xuyên	Tỷ lệ (%)	Thỉnh thoảng	Tỷ lệ (%)	Không bao giờ	Tỷ lệ (%)
1. Luật Hôn nhân và gia đình	25	31.3	35	43.8	20	25.0
2. Bộ luật Lao động	6	7.5	28	35.0	46	57.5
3. Luật Đất đai	17	21.3	25	31.3	38	47.5
4. Bộ luật Hình sự	4	5.0	31	38.8	45	56.3
5. Bộ luật Dân sự	6	7.5	21	26.3	53	66.3
6. Luật Khiếu nại tố cáo	3	3.8	14	17.5	63	78.8
7. Luật Bình đẳng giới	25	31.2	23	28.8	32	40.0
8. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình	25	31.3	24	30.0	31	38.8
9. Luật Nuôi con nuôi	12	15.0	14	17.5	54	67.5
10. Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	25	31.3	35	43.8	20	25.0
11. PL về dân số, kế hoạch hóa gia đình	21	26.3	32	40.0	27	33.8
12. Pháp luật về phòng chống tội phạm	18	22.5	31	38.7	31	38.7
13. Pháp luật về phòng chống ma túy	25	31.3	26	32.5	29	36.2
14. Pháp luật về phòng chống mại dâm	14	17.5	23	28.8	43	53.8
15. Pháp luật về dân chủ cơ sở	20	25.0	31	38.8	29	36.2
16. Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em	16	20.0	32	40.0	32	40.0
17. Luật Giáo dục	12	15.0	22	27.5	46	57.5
18. Pháp luật về hộ tịch, hộ khẩu	23	28.8	14	17.5	43	53.8
19. Pháp luật về bảo vệ rừng	23	28.8	32	40.0	25	31.3
20. Pháp luật về môi trường	4	5.0	15	18.8	61	76.3
21. Pháp luật về chính sách dân tộc	14	17.5	13	16.3	53	66.3
22. Pháp luật về ATGT	15	18.9	27	33.8	38	47.5

Như vậy là, trong số 22 luật, bộ luật, pháp luật được đưa ra xin ý kiến người dân có tới 10 luật, bộ luật có trên 50% số người được hỏi trả lời là không bao giờ được phổ biến; trong đó có tới 78,8% số người được hỏi trả lời rằng không bao giờ được nghe phổ biến Luật Khiếu nại tố cáo, 66,3% số người được hỏi không bao giờ được nghe phổ biến Bộ luật Dân sự và pháp luật về chính sách dân tộc... Kết quả trên cho thấy giữa nhận thức của nhà quản lý về yêu cầu GDPL cho phụ nữ DTTS với thực tế những kiến thức đã được tuyên truyền, phổ biến cho phụ nữ DTTS vẫn còn khoảng cách. Điều này cho thấy

cần tăng cường sự phối hợp giữa các ngành liên quan với chính quyền và các cấp Hội LHPN ở cơ sở để đảm bảo “cung” và “cầu” gặp nhau, điều này rất có lợi trong công tác quản lý, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân.

Để tìm hiểu thêm, chúng tôi đã đem những câu hỏi trên phỏng vấn ngẫu nhiên 110 hội viên, phụ nữ tại 11 xã vùng cao của huyện Võ Nhai và thu được kết quả về nhu cầu GDPL của phụ nữ DTTS như sau (xem bảng 2.5).

**Bảng 2.5: Thực trạng nhu cầu của phụ nữ vùng DTTS về kiến thức pháp luật**

Nhu cầu về kiến thức pháp luật	Mức độ					
	Rất cần thiết	Tỷ lệ (%)	Cần thiết	Tỷ lệ (%)	Không cần thiết	Tỷ lệ (%)
1. Luật Hôn nhân và gia đình	53	48.2	26	23.6	31	28.2
2. Bộ luật Lao động	12	10.9	36	32.7	62	56.4
3. Luật Đất đai	21	19.1	32	29.1	57	51.8
4. Bộ luật Hình sự	19	17.3	35	31.8	56	50.9
5. Bộ luật Dân sự	8	7.3	38	34.5	64	58.2
6. Luật Khiếu nại tố cáo	9	8.2	27	24.5	74	67.3
7. Luật Bình đẳng giới	26	23.6	35	31.8	49	44.5
8. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình	23	20.9	32	29.1	55	50.0
9. Luật Nuôi con nuôi	17	15.5	29	26.4	64	58.2
10. Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	12	11.0	37	33.6	61	55.4
11. PL về dân số, kế hoạch hóa gia đình	36	32.7	39	35.5	35	31.8
12. Pháp luật về phòng chống tội phạm	43	39.1	22	20.0	45	40.9
13. Pháp luật về phòng chống ma túy	16	14.5	31	28.2	63	57.3
14. Pháp luật về phòng chống mại dâm	16	14.5	22	20.0	72	65.5
15. Pháp luật về dân chủ cơ sở	26	23.6	37	33.6	47	42.7
16. Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em	23	20.9	39	35.5	48	43.6
17. Luật Giáo dục	39	35.4	23	20.9	48	43.6
18. Pháp luật về hộ tịch, hộ khẩu	21	19.1	23	20.9	66	60.0
19. Pháp luật về bảo vệ rừng	42	38.2	39	35.4	29	26.4
20. Pháp luật về bảo vệ môi trường	9	8.2	46	41.8	55	50.0
21. Pháp luật về chính sách dân tộc	60	54.5	28	25.5	22	20.0
22. Pháp luật về an toàn giao thông	34	30.9	32	29.1	44	40.0
23. Pháp luật khác (xin nêu cụ thể)...						



Kết quả khảo sát cho thấy việc phổ biến GDPL cho phụ nữ vùng DTTS cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của đối tượng mà công tác phổ biến GDPL hướng tới. Một số luật và bộ luật được chị em phụ nữ DTTS quan tâm, có nhu cầu được tìm hiểu như Luật Hôn nhân gia đình (71,8% người được hỏi cho rằng cần thiết và rất cần thiết), pháp luật về chính sách dân tộc (80% thấy cần thiết và rất cần thiết), pháp luật về dân số kế hoạch hóa gia đình (68,2% thấy cần thiết và rất cần thiết)... đã được phổ biến kịp thời. Tuy nhiên cũng rất cần sự vào cuộc tích cực hơn của các cấp chính quyền, đoàn thể trong việc tuyên truyền, phổ biến một số đạo luật quan trọng nhưng chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của phụ nữ vùng DTTS như: pháp luật về bảo vệ môi trường (50% người được hỏi cho rằng không cần thiết), Luật Giáo dục (43,6% người được hỏi cho rằng không cần thiết), pháp luật về phòng chống ma túy (57,3% người được hỏi cho rằng không cần thiết), pháp luật về phòng chống mại dâm (65,5% người được hỏi cho rằng không cần thiết), Luật Khiếu nại tố cáo (67,3% người được hỏi cho rằng không cần thiết)...

#### ***2.2.4. Thực trạng phương pháp, hình thức GDPL cho PN vùng DTTS***

GDPL cho phụ nữ vùng DTTS cần có những phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp với tập quán, thói quen của cộng đồng dân cư và đặc điểm tâm lý phụ nữ. Qua khảo sát các hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS mà các nhà quản lý tiến hành tại địa phương đã thu được kết quả như trình bày ở bảng 2.2 ở trên.

Về thực trạng các hình thức GDPL mà PN vùng DTTS đã được tham gia được trình bày ở bảng 2.6 dưới đây.

**Bảng 2.6: Thực trạng hình thức GDPL phụ nữ vùng DTTS**

Hình thức GDPL	Mức độ					
	Thường xuyên	Tỷ lệ (%)	Thỉnh thoảng	Tỷ lệ (%)	Không bao giờ	Tỷ lệ (%)
1. Tuyên truyền miệng	<b>36</b>	32.7	<b>24</b>	21.8	<b>50</b>	45.5
2. Thi tìm hiểu pháp luật	<b>18</b>	16.4	<b>32</b>	29.1	<b>60</b>	54.5
3. Hội nghị, hội thảo, tập huấn	<b>20</b>	18.2	<b>49</b>	44.5	<b>41</b>	37.3
4. Phát tờ rơi, tờ gấp, sách hỏi đáp pháp luật...	<b>30</b>	27.3	<b>42</b>	38.2	<b>38</b>	34.5
5. Sinh hoạt câu lạc bộ	<b>21</b>	19.1	<b>28</b>	25.5	<b>61</b>	55.5
6. Qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở	<b>31</b>	28.2	<b>66</b>	60.0	<b>13</b>	11.8
7. Tuyên truyền qua băng hình, băng tiếng	<b>18</b>	16.4	<b>32</b>	29.1	<b>60</b>	54.5
8. Sinh hoạt hội viên	<b>19</b>	17.3	<b>42</b>	38.2	<b>49</b>	44.5
9. Tư vấn lưu động	<b>12</b>	10.9	<b>42</b>	38.2	<b>56</b>	50.9
10. Trợ giúp pháp lý	<b>9</b>	8.2	<b>29</b>	26.4	<b>72</b>	65.5
11. Họp nhóm	<b>17</b>	15.5	<b>36</b>	32.7	<b>57</b>	51.8
12. Họp xóm, tổ dân phố	<b>28</b>	25.5	<b>36</b>	32.7	<b>46</b>	41.8
13. Thông qua nhóm hội viên nòng cốt	<b>16</b>	14.5	<b>29</b>	26.4	<b>65</b>	59.1
14. Thông qua gương điển hình	<b>23</b>	20.9	<b>32</b>	29.1	<b>55</b>	50.0
15. Thông qua hoạt động hòa giải cơ sở	<b>27</b>	24.5	<b>39</b>	35.5	<b>44</b>	40.0
16. Sử dụng tủ sách pháp luật	<b>23</b>	20.9	<b>33</b>	30.0	<b>54</b>	49.1
17. Sinh hoạt văn hóa văn nghệ cộng đồng	<b>24</b>	21.8	<b>35</b>	31.8	<b>51</b>	46.4
18. Báo, tạp chí, tờ tin	<b>36</b>	32.7	<b>41</b>	37.3	<b>33</b>	30.0
19. Hình thức khác (xin nêu cụ thể)...						

Theo kết quả khảo sát trên, phụ nữ vùng DTTS trên địa bàn huyện Võ Nhai đã được GDPL thông qua hình thức chủ yếu là tuyên truyền miệng (với 54,5% số người được hỏi đã tham gia, trong đó 32,7% số người thường xuyên được tham gia); hội nghị, hội thảo, tập huấn (62,7% người được hỏi đã từng được tham gia); hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở (88,2% người được hỏi thường xuyên hoặc thỉnh thoảng được nghe); báo, tạp chí, tờ tin (70% số người được hỏi nắm được kiến thức pháp luật thông qua hình thức này)... Kết quả khảo sát cũng cho thấy có tới 65,5% người được hỏi chưa từng được trợ giúp pháp lý, 54,5% chưa từng tham gia thi tìm hiểu pháp luật...

### 2.3. Thực trạng quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS

#### 2.3.1. Nhận thức về quản lý GDPL cho PN vùng DTTS ở huyện Võ Nhai

Để tìm hiểu thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý về quản lý GDPL cho PN vùng DTTS chúng tôi đã sử dụng câu hỏi số 01 của phụ lục 3. Kết quả thu được qua xử lý thể hiện ở Bảng 2.7 dưới đây.

**Bảng 2.7: Nhận thức của cán bộ quản lý về quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

TT	Quản lý GDPL	Ý kiến trả lời							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Vai trò của công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS	48	60.0	25	31.3	5	6.2	2	2.5
2	Kết hợp nhiều hình thức quản lý khác nhau	43	53.8	22	27.5	12	15.0	3	3.7
3	Tài liệu phục vụ công tác	45	56.3	17	21.2	13	16.2	5	6.3
4	Việc lựa chọn người làm công tác tuyên truyền GDPL	42	52.5	23	28.8	11	13.7	4	5.0
5	Việc hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác GDPL cho PN vùng DTTS	38	47.5	21	26.2	12	15.0	9	11.3

Như vậy, có 60% người được hỏi đánh giá tốt vai trò của công tác quản lý GDPL cho PN vùng DTTS; 53,8% ý kiến cho rằng việc kết hợp nhiều hình thức quản lý khác nhau được thực hiện tốt; 52,5% ý kiến cho rằng việc lựa chọn người làm công tác tuyên truyền GDPL được thực hiện tốt... Việc lựa chọn người làm công tác tuyên truyền GDPL cần chọn những người am hiểu về nội dung cần tuyên truyền; có khả năng giao tiếp, ứng xử tốt; hiệu phong tục, tập quán sinh hoạt của đồng bào DTTS địa phương... Trong các thông tin được khảo sát, còn có 26,3% ý kiến đánh giá việc hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác GDPL cho PN vùng DTTS mới được thực hiện ở mức trung bình và yếu. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, cần được quan tâm nhiều hơn để nâng cao chất lượng công tác quản lý GDPL cho PN vùng DTTS.

Tóm lại, việc quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS cần hướng tới mục tiêu điều tiết các hoạt động GDPL, đảm bảo không có sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

### ***2.3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch GDPL cho phụ nữ vùng DTTS huyện Võ Nhai***

Với câu hỏi quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số cần quan tâm đến nội dung nào sau đây? Có 61/80 người được hỏi (chiếm 76,3%) cho rằng cần quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch. Tỷ lệ này thấp hơn so với 82,5% ý kiến cho rằng cần quan tâm đến hình thức giáo dục nhưng cao hơn các ý kiến đánh giá tầm quan trọng của công tác kiểm tra (68,8% người trả lời lựa chọn) và của việc xác định nội dung giáo dục 67,5% số người được hỏi). Để tìm hiểu thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch GDPL cho PN vùng DTTS chúng tôi đã sử dụng câu hỏi số 02 của phụ lục 3. Kết quả thu được qua xử lý thể hiện ở Bảng 2.8 dưới đây:

**Bảng 2.8: Quản lý xây dựng kế hoạch GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

TT	Quản lý xây dựng kế hoạch	Ý kiến trả lời							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Cách thức triển khai xây dựng kế hoạch	47	58.8	17	21.2	15	18.8	1	1.2
2	Nội dung của kế hoạch bám sát yêu cầu tuyên truyền và nhu cầu của người cần được tuyên truyền	43	53.8	23	28.8	14	17.5	0	0
3	Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ các ngành liên quan đến công tác GDPL cho PN vùng DTTS	47	58.8	19	23.7	10	12.5	4	5.0
4	Tính khả thi của các biện pháp thực hiện	45	56.3	20	25.0	11	13.7	4	5.0

Từ kết quả trên cho thấy, công tác xây dựng kế hoạch đã nhận được sự quan tâm của các nhà quản lý (lãnh đạo quản lý cấp ủy, chính quyền địa phương và một số ngành liên quan; cán bộ quản lý chủ chốt cấp xã; cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách Hội LHPN các cấp). 95% trở lên ý kiến trả lời đánh giá công tác quản lý xây dựng kế hoạch GDPL cho PN vùng DTTS đạt từ trung bình trở lên; trong đó các đối tượng được khảo sát đánh giá cao việc nội dung của kế hoạch đã bám sát yêu cầu tuyên truyền và nhu cầu của người cần được tuyên truyền. Cũng theo điều tra của tác giả luận văn, hằng năm Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL huyện Võ Nhai đều xây dựng kế hoạch GDPL, trong đó xác định rõ các nội dung thực hiện, các chỉ tiêu cần đạt được, phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Hội đồng. Các cơ quan thành viên Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL huyện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo của ngành dọc cấp trên và phân công nhiệm vụ của Hội đồng đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến GDPL. Kế hoạch GDPL cho nhân dân nói chung, phụ nữ vùng DTTS nói riêng đã có sự phối hợp, phân công

nhiệm vụ cụ thể của các ngành liên quan. Ví dụ thực hiện chương trình GDPL năm 2016, Hội LHPN huyện Võ Nhai đã phối hợp với phòng Văn hóa, Trung tâm Văn hóa thể thao, Công an huyện, phòng Tư pháp... trong mỗi hoạt động tuyên truyền. Việc phối hợp đã giúp phát huy thế mạnh của mỗi cơ quan, tạo ra sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ...

### **2.3.3. Thực trạng tổ chức, chỉ đạo triển khai GDPL cho phụ nữ vùng DTTS ở huyện Võ Nhai**

Xuất phát từ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS, cần coi trọng công tác tổ chức, chỉ đạo triển khai các hoạt động GDPL; coi trọng việc quản lý nội dung và hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Dưới góc độ của nhà quản lý, cần quan tâm tới các yếu tố có thể ảnh hưởng tới công tác chỉ đạo triển khai.

Để tìm hiểu thực trạng tổ chức, chỉ đạo triển khai về quản lý nội dung và hình thức GDPL cho PN vùng DTTS chúng tôi đã sử dụng câu hỏi số 03, số 04 của phụ lục 3. Kết quả thu được qua xử lý thể hiện ở bảng 2.9 và 2.10 dưới đây.

**Bảng 2.9: Quản lý tổ chức, chỉ đạo triển khai nội dung GDPL cho PN vùng DTTS**

TT	Quản lý tổ chức, chỉ đạo	Ý kiến trả lời							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Các văn bản pháp luật về hôn nhân, gia đình	39	48.8	33	41.2	3	3.7	5	6.3
2	Các văn bản pháp luật về Bình đẳng giới	42	52.5	26	32.5	8	10.0	4	5.0
3	Các văn bản PL về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	41	51.2	22	27.5	15	18.8	2	2.5
4	Các văn bản PL về phòng chống, tội phạm TNXH	41	51.2	16	20.0	16	20.0	7	8.8
5	Các văn bản pháp luật về dân tộc, tôn giáo	38	47.5	24	30.0	14	17.5	4	5.0
6	Một số văn bản pháp luật về các vấn đề khác...	33	41.2	30	37.5	11	13.8	6	7.5

Kết quả khảo sát quản lý nội dung GDPL cho PN vùng DTTS đã cho thấy có từ 91,2% người được hỏi đánh giá công tác quản lý nội dung GDPL cho PN vùng DTTS đạt từ mức trung bình trở lên. Cả 6 câu hỏi khảo sát về nội dung này đều có từ 71,2% số người được hỏi đánh giá là khá và tốt...

**Bảng 2.10: Quản lý hình thức GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

TT	Quản lý hình thức GDPL cho PN vùng DTTS	Ý kiến trả lời							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Hình thức tuyên truyền miệng	44	55.0	23	28.8	13	16.2	0	0
2	Tổ chức hội thi tìm hiểu PL	33	41.3	25	31.2	10	12.5	12	15.0
3	Xây dựng các mô hình tại cơ sở; sinh hoạt các câu lạc bộ	38	47.5	26	32.5	11	13.8	5	6,2
4	Tư vấn PL, trợ giúp pháp lý và hoạt động hòa giải ở cơ sở	37	46.3	27	33.2	8	10.0	8	10.0

Hình thức GDPL có tác dụng chuyển tải nội dung GDPL. Hình thức GDPL phù hợp sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho PN vùng DTTS. Kết quả khảo sát cho thấy, hình thức tuyên truyền miệng có vai trò quan trọng, được đánh giá cao nhất trong các hình thức GDPL cho PN vùng DTTS với 100% người được hỏi đánh giá đạt yêu cầu từ mức trung bình trở lên, trong đó 55% ý kiến trả lời đánh giá tốt. Trong công tác quản lý các hình thức GDPL cho PN vùng DTTS, chỉ có 41,3% ý kiến trả lời đánh giá tốt hình thức tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật; 15% ý kiến trả lời cho rằng hình thức này chưa đạt yêu cầu. Vì vậy trong thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu nâng cao chất lượng và hiệu quả việc quản lý tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật.

#### **2.3.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS huyện Võ Nhai**

Kiểm tra là một nội dung quan trọng của công tác lãnh đạo, quản lý; không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Vì thế, trong những năm qua, huyện

Võ Nhai luôn quan tâm tới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.

Qua khảo sát lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, cán bộ chuyên trách công tác Hội LHPN và một số ban, ngành liên quan, kết quả cho thấy có 68,8% người được hỏi cho rằng cần quan tâm tới công tác kiểm tra, đánh giá công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Kết quả này đã nói lên phần nào sự quan tâm của nhà quản lý đối với công tác kiểm tra, đánh giá công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Để tìm hiểu thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý về quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS chúng tôi đã sử dụng câu hỏi số 5 của phụ lục 3. Kết quả thu được qua xử lý thể hiện ở Bảng 2.11 dưới đây:

**Bảng 2.11: Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

TT	Quản lý kiểm tra, đánh giá	Ý kiến trả lời							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Công tác lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS	39	48.8	28	35.0	9	11.2	4	5.0
2	Việc xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá	38	47.5	27	33.8	9	11.2	6	7.5
3	Phối hợp các ngành tham gia kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác GDPL cho PN vùng DTTS	43	53.8	22	27.5	14	17.5	1	1.2
4	Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS	41	51.3	24	30.0	12	15.0	3	3.7
5	Khảo sát nhận thức về pháp luật của PN vùng DTTS để đánh giá hiệu quả công tác GDPL	36	45.0	22	27.5	18	22.5	4	5.0

Kết quả khảo sát thu nhận được đã khẳng định việc quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL cho phụ nữ vùng DTTS đã được quan tâm



đúng mức. Hầu hết các ý kiến trả lời đều đánh giá công tác này đạt yêu cầu từ mức trung bình trở lên. Một số yếu tố được đánh giá cao là: công tác phối hợp các ngành tham gia kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác GDPL cho PN vùng DTTS (53,8% đánh giá tốt), hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS (51,3% đánh giá tốt), công tác lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS (48,8% đánh giá tốt)...

### **2.3.5. Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

Qua khảo sát những yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS huyện Võ Nhai, tác giả luận văn thu được kết quả như sau: 83,7% số người được hỏi nói rằng năng lực cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác GDPL là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất tới công tác QLGD pháp luật cho phụ nữ tại địa phương; chỉ có 16,3% số người được hỏi cho rằng không ảnh hưởng (xem bảng 2.12).

**Bảng 2.12: Thực trạng yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ					
	Rất ảnh hưởng	Tỷ lệ (%)	Ảnh hưởng	Tỷ lệ (%)	Không ảnh hưởng	Tỷ lệ (%)
1. Cơ chế, chính sách đối với phụ nữ vùng DTTS	36	45.0	28	35.0	16	20.0
2. Điều kiện kinh tế, xã hội địa phương	33	41.3	25	31.3	22	27.5
3. Phong tục tập quán địa phương	21	26.3	36	45.0	23	28.7
4. Trình độ dân trí	32	40.0	29	36.3	19	23.7
5. Năng lực cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật	38	47.5	29	36.2	13	16.3

Trong số những yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS cần kể tới cơ chế, chính sách đối với phụ nữ vùng DTTS (80% ý kiến trả lời cho rằng có ảnh hưởng); trình độ dân trí (76,3% ý kiến trả lời cho

rằng có ảnh hưởng); điều kiện kinh tế, xã hội địa phương (72,5% ý kiến trả lời cho rằng có ảnh hưởng); phong tục tập quán (71,3% ý kiến trả lời cho rằng có ảnh hưởng).

## **2.4. Đánh giá chung**

### **2.4.1. Về ưu điểm**

Nhận thức chung của lãnh đạo quản lý cấp ủy, chính quyền địa phương, các ngành, đoàn thể là coi trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Xuất phát từ nhận thức trên, bước đầu đã có sự phối hợp của các ngành, các cơ quan liên quan trong công tác phổ biến GDPL. Các hình thức tuyên truyền đã có sự đa dạng hóa, phù hợp với đối tượng người nghe và đặc điểm dân tộc vùng miền; sử dụng kết hợp các biện pháp truyền thống và hiện đại trong GDPL. Công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai đã ghi nhận được những kết quả bước đầu, tạo tiền đề thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong thời gian tới đây.

### **2.4.2. Về hạn chế**

Tính hiệu quả của một số hình thức GDPL chưa cao, chưa nhận được nhiều sự quan tâm của đối tượng cần GDPL. Một số Luật quan trọng nhưng chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của cả nhà quản lý và phụ nữ vùng DTTS (như Luật Bình đẳng giới, pháp luật về dân chủ ở cơ sở, pháp luật về phòng chống ma túy...).

Chưa khảo sát, đánh giá được cụ thể hiệu quả đạt được của việc tuyên truyền, phổ biến GDPL. Cách thức tổ chức thực hiện một số chuyên đề giáo dục pháp luật chưa được đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu của đối tượng được GDPL. Chưa có cơ chế hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ làm công giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục pháp luật tại vùng dân tộc thiểu số. Công tác xã hội hóa, kêu gọi sự hỗ trợ của các tập thể, cá nhân đóng góp công sức, trí tuệ cho công tác tuyên truyền GDPL cho phụ nữ vùng DTTS chưa được nhiều.

## **Kết luận chương 2**

Quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS tại huyện Võ Nhai đã được quan tâm, đã có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương tham gia vào quá trình giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS. Công tác quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS đã được quan tâm bởi các cấp chính quyền địa phương, cán bộ quản lý đã nhận thức được vấn đề của quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS; xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật, tổ chức chỉ đạo việc thực hiện GDPL và kiểm tra đánh giá công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS tại 11 xã huyện Võ Nhai còn tồn tại hạn chế nhất định như tính chuyên nghiệp của người làm công tác GDPL còn yếu, các cấp quản lý tuy quan tâm song chưa giải quyết hợp lý các vấn đề trong công tác QLGDPL cho PN vùng DTTS. Bối cảnh chung của QL hoạt động GDPL cơ bản là thuận lợi và lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác GDPL có thái độ tích cực với GDPL. Đó là điều kiện rất tốt để cải thiện hiệu quả QL hoạt động GDPL trên cơ sở chọn lọc, tổng kết kinh nghiệm của huyện Võ Nhai và đề xuất những biện pháp quản lý phù hợp hơn.

### **Chương 3**

## **BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN**

### **3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS**

#### ***3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích***

Các biện pháp nêu ra được tổ chức thực hiện trong các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể nhằm đạt được mục tiêu quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS đề ra. Muốn đảm bảo tính khả thi thì trước hết phải nhận thức đúng đắn về ý nghĩa tác dụng từng biện pháp đã nêu ra, biết vận dụng sáng tạo từng biện pháp cũng như kết hợp hài hòa, hợp lý các biện pháp nêu ra phải phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương cũng như xu thế phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

#### ***3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và đồng bộ***

Biện pháp QL giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS của huyện cần phải xuất phát từ thực tiễn giáo dục pháp luật của địa phương, thực tiễn cuộc sống của phụ nữ vùng DTTS huyện Võ Nhai với những đặc điểm về điều kiện dân trí, điều kiện về kinh tế xã hội của địa phương, các yếu tố về phong tục tập quán địa phương. Đề xuất biện pháp tính tới các điều kiện thực tiễn đảm bảo cho các biện pháp đề xuất có thể hiện hiện thực hóa trong thực tiễn cuộc sống của phụ nữ vùng DTTS.

Mỗi biện pháp đưa ra đều có thế mạnh, vị trí cần thiết trong quá trình tổ chức SHCM trong nhà trường. Các biện pháp có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với nhau, gắn kết ràng buộc nhau, muốn đạt hiệu quả trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS thì không thể xem nhẹ biện pháp nào, không thể thực hiện riêng biệt, tách rời các biện pháp mà phải thực hiện đồng bộ các biện pháp, tạo điều kiện và bổ sung cho nhau trong quá trình quản lý. Các biện pháp quản lý phải luôn coi trọng tính đồng bộ trong mọi hoạt động. Đảm bảo tính

đồng bộ là các biện pháp quản lý GDPL phải tác động vào các lực lượng tham gia vào quá trình GDPL, đồng thời các biện pháp quản lý GDPL phải tác động vào các khâu, các yếu tố của hoạt động GDPL và quản lý GDPL. Biện pháp nào cũng có ưu điểm và nhược điểm riêng nên cần phát huy ưu điểm, hạn chế và khắc phục nhược điểm của từng biện pháp. Không đề cao biện pháp này, hạ thấp biện pháp kia, biết kết hợp biện pháp chung với biện pháp đặc thù.

### ***3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa***

Đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số phải đảm bảo tính kế thừa thực tiễn những kết quả đạt được, những kinh nghiệm và cách làm của chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện GDPL và quản lý GDPL cho người dân địa phương. Trên cơ sở đánh giá nguyên nhân của những tồn tại hạn chế trong công tác lập kế hoạch, xây dựng nội dung, chương trình và bố trí các nguồn lực tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý để đề xuất các biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế đó để tổ chức có hiệu quả hoạt động quản lý, đạt được mục tiêu đã đề ra.

### ***3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi***

Biện pháp QL giáo dục pháp luật là cách thức giúp cho các nhà quản lý xã hội thực hiện tốt công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS do đó việc đề xuất biện pháp cần quan tâm đến những yếu tố sau: Biện pháp đề xuất phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, phù hợp với các đặc điểm về văn hóa, trình độ dân trí,... đặc biệt là huy động được sự tham gia vào giáo dục pháp luật của chính quyền địa phương và người dân địa phương. Lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp, huy động được sự tham gia của lực lượng thực hiện giáo dục pháp luật hiện có tại địa phương. Thời điểm tổ chức hoạt động phải phù hợp, không nên tổ chức vào mùa vụ hay khi thời tiết không thuận lợi, phụ nữ không tham gia được. Tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cũng phải căn cứ vào địa điểm tổ chức sao cho thuận lợi để phụ nữ đi lại dễ dàng, tập trung được nhiều người tham gia.

### ***3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với đối tượng***

Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật phải phù hợp với đặc điểm của phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. rà soát các nội dung pháp luật cần thiết với nhu cầu và yêu cầu thực tiễn đối với phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, chú trọng các hình thức tuyên truyền giáo dục trực tiếp tại cộng đồng; biên soạn tài liệu phổ biến giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể, khuyến khích tuyên truyền giáo dục bằng tiếng dân tộc. Phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật hiện có.

## **3.2. Biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai**

### ***3.2.1. Nâng cao nhận thức về QL GDPL cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp***

#### ***3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp***

Biện pháp nhằm giúp đội ngũ cán bộ quản lý có kiến thức về pháp luật và giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, kiến thức về phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Nâng cao được tinh thần trách nhiệm của các lực lượng trong công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Làm cho công tác GDPL phải trở thành một nhiệm vụ chính trị, là một trong những nội dung quan trọng trong kiểm tra, trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi tổ chức, mỗi cá nhân.

#### ***3.2.1.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp***

##### **(i). Nội dung:**

Nâng cao kiến thức về PL và giáo dục PL cho phụ nữ vùng DTTS. Nhận thức được kiến thức PL nào phụ nữ vùng DTTS đặc biệt cần bổ trợ.

Nâng cao kiến thức về phương pháp và cách thức tổ chức GDPL cho người dân địa phương (đặc biệt là phụ nữ).

##### **(ii). Cách thức thực hiện:**

Tổ chức hội thảo nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp về hoạt động GDPL cho phụ nữ vùng DTTS. Nội dung, chuyên

đề hội thảo phải thiết thực, giải quyết những vấn đề bức xúc, yếu kém trong thực thi pháp luật của phụ nữ vùng DTTS. Thông qua hội thảo, nâng cao vai trò, vị trí, thống nhất về nội dung, đề ra được các hình thức, biện pháp thích hợp của các lực lượng và sự phối hợp giữa các lực lượng trong công tác GDPL và quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.

Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng về giáo dục PL, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục PL cho người dân, đặc biệt là cho phụ nữ vùng DTTS.

### *3.2.1.3. Điều kiện để thực hiện biện pháp*

Cần có sự thống nhất, ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và lãnh đạo các ngành liên quan. Các cơ quan, tổ chức tham gia hoạt động giáo dục pháp luật cần có kế hoạch cụ thể, đảm bảo khoa học, bao quát toàn diện và mang tính khả thi cao. Lãnh đạo các cơ quan phải thực sự nhạy bén, linh hoạt và quyết đoán trong việc giải quyết các tình huống nhạy cảm có thể xảy ra.

Đảm bảo kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động GDPL. Trong quá trình thực hiện, cần có sự kiểm tra, đánh giá việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm tổ chức hoạt động GDPL của các cơ quan, lực lượng cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

### ***3.2.2. Bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL***

#### *3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp*

Nhằm cải thiện các kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên làm công tác giáo dục pháp luật ở cấp cơ sở. Từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật nói chung, cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số nói riêng, nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật cho phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và vùng dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai nói riêng. Góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện Võ Nhai.

### 3.2.2.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp

#### (i) Nội dung:

Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về PL và giáo dục PL cho phụ nữ vùng DTTS cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên, người làm công tác giáo dục pháp luật. Đặc biệt quan tâm đến những kiến thức PL phụ nữ vùng DTTS đặc biệt cần bổ trợ.

Bồi dưỡng kiến thức về phương pháp và cách thức tổ chức GDPL cho người dân địa phương (đặc biệt là phụ nữ).

Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu giáo dục pháp luật ngày càng cao của phụ nữ vùng DTTS.

#### (ii). Cách thực hiện biện pháp:

Rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật các cấp để có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể.

Rà soát nhu cầu thực tế về nâng cao kỹ năng giáo dục pháp luật, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng phù hợp cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật tại cơ sở.

Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng về luật pháp cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật.

Tăng cường thời gian, số lượng các lớp bồi dưỡng, tập huấn về giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS, trong đó chú trọng tập huấn có thực hành trải nghiệm.

Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đáp ứng yêu cầu của từng khu vực, từng đối tượng.

Tổ chức các lớp dạy tiếng dân tộc và phong tục tập quán địa phương cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật vùng dân tộc thiểu số.

### 3.2.2.3. Điều kiện để thực hiện biện pháp

Ủy ban nhân dân các cấp cần nhận thức đầy đủ về vai trò của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật; có tầm nhìn chiến lược về sự phát triển đội



ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật và xu thế phát triển của xã hội. Từ đó chỉ đạo thực hiện hoạt động bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật các cấp.

Bố trí nguồn ngân sách cho hoạt động nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật.

Đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật phải có thái độ nghiêm túc trong học tập, nâng cao kiến thức và kỹ năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

### ***3.2.3. Hoàn thiện các điều kiện pháp lý phục vụ công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS***

#### ***3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp***

Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp lý trong quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Phát huy tối đa vai trò, nâng cao ý thức trách nhiệm của chính quyền, Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp. Đặc biệt, ngành Tư pháp các cấp với tư cách là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL có trách nhiệm tham mưu cho chính quyền cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi và tổng kết công tác PBGDPL tại địa phương.

#### ***3.2.3.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp***

##### ***(i). Nội dung:***

Hệ thống pháp lý trong quản lý giáo dục PL cho PN vùng DTTS được hoàn thiện và là cơ sở để nâng cao kiến thức pháp luật cho PN vùng DTTS.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thực quản lý giáo dục pháp luật.

##### ***(ii). Cách thực hiện biện pháp:***

Điều tra, khảo sát và xây dựng các chính sách phù hợp đối với phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Xây dựng và đề xuất các chính sách ưu đãi đối với cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật vùng dân tộc thiểu số.

### *3.2.3.3. Điều kiện để thực hiện biện pháp*

Đảng, Nhà nước phải hoàn thiện hơn nữa các chính sách, pháp luật về phụ nữ. Có chủ trương, chính sách phù hợp đối với phụ nữ vùng DTTS, khuyến khích phụ nữ vùng dân tộc thiểu số được tham gia, được tiếp cận với các văn bản pháp luật, tham dự các cuộc họp, hội nghị giáo dục pháp luật.

Có chính sách động viên, khuyến khích cán bộ, đặc biệt là cán bộ nữ tham gia làm công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS.

Có chính sách ưu đãi đối với cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật tại địa phương.

### ***3.2.4. Phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS***

#### *3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp*

Xây dựng được cơ chế phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số đảm bảo khoa học, hợp lý, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của các lực lượng GDPL góp phần nâng cao hiểu biết và thực thi pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

#### *3.2.4.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp*

##### *(i). Nội dung:*

Xây dựng cơ chế phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương để GDPL cho phụ nữ vùng DTTS.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm giữa các lực lượng giáo dục trong công tác phối hợp giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

##### *(ii). Cách thực hiện biện pháp:*

Triển khai thực hiện các văn bản ký kết với Hội LHPN và các ngành từ Trung ương đến cấp cơ sở về công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Phân công trách nhiệm cụ thể cho các bên trong thực hiện công tác GDPL cho phụ nữ vùng DTTS thực chất là những cách thức tổ chức việc phối

hợp, sự phân định trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị tham gia phối hợp để tạo ra sự thống nhất và thông qua đó thực hiện các tác động qua lại giữa các lực lượng giáo dục nhằm đạt được mục đích, kế hoạch về GDPL đã đề ra.

Phối hợp các lực lượng giáo dục bao gồm mối quan hệ đa dạng, nhiều chiều: Do đặc thù của GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số là giáo dục nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật, hình thành lòng tin và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của phụ nữ dân tộc thiểu số do đó GDPL phải thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi, phải tổ chức bằng nhiều hình thức hoạt động mới có hiệu quả. Muốn vậy, cơ chế phối hợp phải được quy định rõ ràng các nội dung, biện pháp, trách nhiệm của Hội LHPN và từng đơn vị, ngành tham gia phối hợp; phân cấp quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải phù hợp với chức năng chuyên môn và khả năng điều kiện của các đơn vị. Trong quan hệ phối hợp này các bên phải giữ vai trò duy trì sự phối hợp. Tùy tính chất, mục tiêu hoạt động cụ thể mà quy định trách nhiệm và cách thức tổ chức hợp lý.

*Cơ chế phối hợp các lực lượng GD trong việc tổ chức các hoạt động nâng cao kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS:*

Việc nâng cao kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS không phải chỉ là nhiệm vụ của Hội LHPN, bởi kiến thức pháp luật rất rộng, đòi hỏi sự chính xác, phải có chuyên môn sâu, nắm chắc kiến thức pháp luật thì việc nâng cao kiến thức cho phụ nữ vùng DTTS mới đạt yêu cầu đề ra.

Với mối quan hệ phối hợp này, Hội LHPN giữ vai trò chủ đạo, chịu trách nhiệm chính trong việc ham mưu nâng cao chất lượng các buổi tuyên truyền giáo dục pháp luật cho phụ nữ; tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan tuyên truyền, tạo điều kiện về vật chất, tinh thần, trang thiết bị và con người đảm bảo cho Hội LHPN và các ngành phối hợp tổ chức các hoạt động nâng cao kiến thức pháp luật đạt hiệu quả.

Các cơ quan tuyên truyền và các cơ quan chức năng (Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Tư pháp) có trách nhiệm chuẩn bị nội dung tuyên truyền, báo cáo viên, các phương tiện hỗ trợ (âm thanh, loa đài, ánh sáng, tờ rơi, khẩu hiệu...) để Hội LHPN tổ chức thuận lợi.

Các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các cơ quan, đoàn thể có liên quan có trách nhiệm vận động và tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất cho Hội LHPN tổ chức thực hiện.

Hội LHPN tuyên truyền vận động phụ nữ vùng dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động nhằm nâng cao kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số (tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ phụ nữ, tổ chức các cuộc thi, các cuộc hội thảo, các diễn đàn, các hoạt động hỗ trợ tư vấn pháp luật tại cộng đồng...).

#### *3.2.4.3. Điều kiện để thực hiện biện pháp*

Xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với Hội LHPN và các ngành chức năng trong đó yếu tố đóng vai trò trung tâm là Hội LHPN. Cần có cơ chế phối hợp cụ thể, tranh thủ sự ủng hộ của các đoàn thể, các tổ chức xã hội và của nhân dân.

Các lực lượng tham gia phối hợp giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số phải ý thức được vai trò trách nhiệm của mình trong hoạt động giáo dục pháp luật cho phụ nữ và nhiệt tình, tâm huyết với công việc được đảm nhận.

Chính quyền địa phương và các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật có cơ chế, tạo điều kiện cho Hội LHPN trong việc nâng cao chất lượng GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Xây dựng kế hoạch phối hợp phải có tính khoa học, chặt chẽ, hợp lý, linh hoạt, phù hợp với chức năng của từng tổ chức, cá nhân, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả.

Các chính sách phải được quy định rạch ròi cho từng lĩnh vực cụ thể: Chính sách đầu tư kinh phí cho việc tổ chức các hoạt động GDPL, kinh phí

động viên khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tham gia GDPL, các nguồn ngân sách dành cho hoạt động phối hợp...

Nếu có cơ chế chính sách phù hợp, các LLGD thực hiện nghiêm túc các cơ chế chính sách đã ban hành thì chắc chắn chất lượng GDPL cho người dân nói chung và cho phụ nữ vùng DTTS nói riêng sẽ có nhiều thuận lợi và đạt hiệu quả cao, góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục pháp luật cho người dân của Đảng và Nhà nước.

### ***3.2.5. Xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng GDPL cho PN vùng dân tộc thiểu số***

#### ***3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp***

Đổi mới và hoàn thiện các chuyên đề giáo dục pháp luật cho PN vùng DTTS. Giúp đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL nâng cao kiến thức và kỹ năng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác GDPL.

Giúp cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số nắm vững và biết áp dụng kiến thức pháp luật vào sinh hoạt và cuộc sống hàng ngày. Góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công tác Hội và phong trào phụ nữ tại cơ sở, xây dựng và phát triển tổ chức Hội vững mạnh.

#### ***3.2.5.2. Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp***

##### ***(i). Nội dung:***

Xây dựng được hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng giáo dục PL cho PN vùng DTTS có tính khoa học, thiết thực để bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Nội dung các chuyên đề bồi dưỡng cần cung cấp cho phụ nữ vùng DTTS những kiến thức cơ bản nhất về pháp luật như: Luật hôn nhân gia đình; Luật bình đẳng giới; Luật hình sự, .. Nâng cao kiến thức pháp luật cho người dân địa phương, đặc biệt là cho phụ nữ vùng DTTS.

##### ***(ii): Cách thực hiện biện pháp:***

Khảo sát nhu cầu thực tiễn của phụ nữ vùng dân tộc thiểu số về các nội dung chuyên đề PL mà họ cần được hỗ trợ, không xây dựng nội dung mang tính áp đặt, một chiều.

Lựa chọn những vấn đề phù hợp với từng vùng miền, từng cơ sở để xây dựng nội dung các chuyên đề bồi dưỡng, giáo dục pháp luật, tránh xây dựng nội dung mang tính phổ biến, không tính phù hợp với đối tượng tác động.

Dịch ra tiếng dân tộc (Mông, Tày, Nùng, Dao...) các chuyên đề bồi dưỡng, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động đánh giá về mức độ nhận thức pháp luật của phụ nữ vùng DTTS sau mỗi hoạt động giáo dục, để điều chỉnh nội dung cho phù hợp.

### *3.5.2.3. Điều kiện để thực hiện biện pháp*

Trong quá trình xây dựng nội dung các chuyên đề bồi dưỡng, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS cần bám sát nội dung định hướng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, của Trung ương Hội LHPN Việt Nam, của Hội LHPN cấp tỉnh trong nhiệm kỳ và từng năm; đặc biệt là các nội dung, văn bản chỉ đạo của địa phương.

Chính quyền địa phương cần có sự quan tâm và dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho công tác biên soạn, xây dựng hệ thống các chuyên đề tài liệu phục vụ các hoạt động bồi dưỡng, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Thành lập hội đồng thẩm định các nội dung chuyên đề trước khi đưa vào bồi dưỡng, giáo dục, nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số mang tính chuẩn hóa cao.

Thường xuyên tiến hành các hoạt động khảo sát xác định nhu cầu thực tiễn, làm căn cứ để hoàn thiện các chuyên đề bồi dưỡng, GDPL phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, luôn cập nhật và bổ sung kịp thời những kiến thức mới, những mô hình hoạt động hiệu quả, những điển hình tiên tiến trong chỉ đạo thực hiện các hoạt động tại địa phương khác đưa vào nội dung bồi dưỡng.

### **3.3. Môi quan hệ giữa các biện pháp**

Biện pháp quản lý là những hoạt động quản lý của chủ thể quản lý tác động có hiệu quả đến khách thể quản lý để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

Mỗi biện pháp đều có những vị trí, vai trò nhất định trong quá trình quản lý giáo dục nói chung và quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS nói riêng. Tuy nhiên, không có biện pháp nào là vạn năng, mỗi biện pháp đều có ưu điểm và những hạn chế nhất định. Đồng thời mỗi biện pháp quản lý phải được thực hiện trong những điều kiện nhất định. Khi giải quyết một nhiệm vụ quản lý, người ta thường phải vận dụng và phối hợp nhiều biện pháp, phải tùy theo công việc, con người, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể mà lựa chọn và kết hợp các biện pháp quản lý thích hợp.

Việc thực hiện tốt biện pháp này sẽ là tiền đề để thực hiện có hiệu quả các biện pháp khác và ngược lại. Vì vậy, để GDPL cho phụ nữ nhất là đối với PN vùng DTTS một cách hiệu quả, nhà quản lý phải thực hiện một cách đồng bộ, có sự phối hợp linh hoạt các biện pháp trên. Trong đó, biện pháp nâng cao nhận thức về giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp tạo tiền đề để thực hiện hiệu quả các biện pháp khác. Nhận thức đúng là một trong những điều kiện cơ bản để có hành động đúng. Nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật sẽ là cơ sở để hoàn thiện hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Và để thực hiện được các biện pháp trên cần có cơ chế phối hợp giữa Hội LHPN và các ngành liên quan trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, đồng thời cần có các điều kiện pháp lý để quản lý hoạt động giáo dục pháp luật vùng dân tộc thiểu số.

Nếu huyện Võ Nhai thực hiện được đồng bộ 5 biện pháp quản lý nêu trên thì chắc chắn công tác GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số sẽ cơ bản đáp ứng được yêu cầu của mục tiêu quản lý giáo dục pháp luật hiện nay.

### **3.4. Khảo nghiệm sư phạm**

Thông thường các đề tài khoa học được tiến hành đánh giá tính chân thực thông qua lấy ý kiến chuyên gia hoặc trải qua thực nghiệm. Để khẳng định mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý GDPL cho PN vùng DTTS huyện Võ Nhai nêu trên, tác giả đã tiến hành kiểm chứng tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý GDPL cho PN vùng DTTS huyện Võ Nhai bằng phương pháp xin ý kiến của lãnh đạo quản lý cấp ủy, chính quyền địa phương; cán bộ quản lý chủ chốt cấp xã; cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách Hội LHPN các cấp, những người có kinh nghiệm trong công tác và quản lý GDPL cho PN vùng DTTS.

#### **3.4.1. Cách thức tiến hành**

Nội dung câu hỏi tiến hành khảo nghiệm là: *“Đồng chí cho biết quan điểm của mình về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS?”*

Qua ý kiến của 80 lãnh đạo quản lý cấp ủy, chính quyền; cán bộ quản lý một số phòng, ban, ngành liên quan; cán bộ quản lý chủ chốt 11 xã vùng cao huyện Võ Nhai; cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách Hội LHPN các cấp trên địa bàn huyện Võ Nhai, tác giả nhận thấy đa số người được hỏi đều cho rằng các biện pháp trên là cần thiết và có thể thực hiện được, mặc dù có biện pháp có tính cần thiết cao hơn nhưng tính khả thi lại thấp hơn. Cụ thể, kết quả đạt được thể hiện ở Bảng 3.1.



**Bảng 3.1: Đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật  
cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số**

Biện pháp	Tính cần thiết						Tính khả thi					
	Rất cần thiết	Tỷ lệ (%)	Cần thiết	Tỷ lệ (%)	Không cần thiết	Tỷ lệ (%)	Rất khả thi	Tỷ lệ (%)	Khả thi	Tỷ lệ (%)	Không khả thi	Tỷ lệ (%)
<b>Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức về QL GDPL cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp</b>	<b>77</b>	96.3	<b>3</b>	3.7	<b>0</b>	0	<b>70</b>	87.5	<b>10</b>	12.5	<b>0</b>	0
<b>Biện pháp 2: Bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL</b>	<b>73</b>	91.3	<b>7</b>	8.7	<b>0</b>	0	<b>68</b>	85.0	<b>12</b>	15.0	<b>0</b>	0
<b>Biện pháp 3: Hoàn thiện các điều kiện pháp lý phục vụ công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS</b>	<b>54</b>	67.5	<b>26</b>	32.5	<b>0</b>	0	<b>47</b>	58.8	<b>33</b>	41.2	<b>0</b>	0
<b>Biện pháp 4: Phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS</b>	<b>56</b>	70.0	<b>24</b>	30.0	<b>0</b>	0	<b>52</b>	65.0	<b>28</b>	35.0	<b>0</b>	0
<b>Biện pháp 5: Xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng GDPL cho PN vùng dân tộc thiểu số</b>	<b>65</b>	81.3	<b>15</b>	18.7	<b>0</b>	0	<b>56</b>	70.0	<b>24</b>	30.0	<b>0</b>	0

### 3.4.2. Phân tích kết quả khảo nghiệm

*Về tính cần thiết:* qua bảng 3.1 tác giả đã kiểm chứng được rằng: cả 05 biện pháp quản lý hoạt động GDPL đều cần thiết và rất cần thiết cho việc nâng cao chất lượng GDPL cho PN vùng DTTS huyện Võ Nhai (100%);

Mức độ rất cần thiết chỉ có biện pháp 1,2 là có trên 90% số người được hỏi đồng ý; trên 70% số người được hỏi cho rằng biện pháp số 4,5 là rất cần thiết; không có ai được hỏi trả lời là không cần thiết.

Xếp theo thứ hạng thì biện pháp 1: *Nâng cao nhận thức về GDPL cho đội cán bộ quản lý các cấp* được xếp ở vị trí thứ nhất - Điều này rất đúng với tình hình thực tiễn, do hiện nay, công tác GDPL cho PN vùng DTT S là rất cần được quan tâm.

*Về tính khả thi:* xét về thực tế thì việc vận dụng của từng biện pháp là khác nhau: Biện pháp 1,2,5, đều đạt trên 70% số người được hỏi cho là rất khả thi và còn biện pháp 3 chỉ đạt là 58,8% và xếp ở vị trí thứ 5 trên tổng số năm biện pháp được nêu.

Sự khác biệt và chênh lệch trong đánh giá như vậy là tất yếu, khách quan. Mặc dù không được 100% ý kiến cho rằng các biện pháp đề xuất trong đề tài là rất cần thiết và rất khả thi nhưng kết quả khảo nghiệm đã khẳng định rất chắc chắn là: tất cả năm biện pháp được đề xuất đều có tính cần thiết và tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện công tác GDPL cho PN vùng DTTS.

Nhiều ý kiến cho rằng, với biện pháp 3: *Hoàn thiện điều kiện pháp lý trong quản lý giáo dục pháp luật vùng dân tộc thiểu số* có tính cần thiết và tính khả thi so với các biện pháp khác là chưa cao, do hiện nay, mặc dù đã có Luật quy định cụ thể về giáo dục pháp luật cho cho đối tượng đặc thù trong đó có phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, tuy nhiên trong công tác quản lý còn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Cán bộ quản lý tại cơ sở vẫn còn những hạn chế nhất định trong công tác GDPL ở vùng cao, vùng đồng bào DTTS. Mặc dù có nhiều nhận định khác nhau về các biện pháp, nhưng tác giả tin tưởng rằng, nếu các biện pháp trên được sử dụng một cách có hệ thống, đồng bộ và sáng tạo chắc chắn sẽ từng bước nâng cao chất lượng GDPL cho PN vùng DTTS huyện Võ Nhai, góp phần tích cực vào nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng chúng tôi đề xuất và lý giải 5 biện pháp quản lý GDPL cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên:

- 1. Nâng cao nhận thức về QL GDPL cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp*
- 2. Bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL*
- 3. Hoàn thiện các điều kiện pháp lý phục vụ công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS*
- 4. Phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS.*
- 5. Xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng GDPL cho PN vùng dân tộc thiểu số*

Trong mỗi biện pháp đề xuất đều được phân tích và làm sáng tỏ mục tiêu của biện pháp, nội dung và cách thức thực hiện, điều kiện thực hiện biện pháp.

Qua khảo sát cho thấy cả 5 biện pháp trên đều được đánh giá có tính cần thiết và tính khả thi cao. Các biện pháp có mối quan hệ mật thiết với nhau, là tiền đề và hỗ trợ cho nhau. Để nâng cao hiệu quả quản lý GDPL, góp phần nâng cao chất lượng GDPL và chất lượng giáo dục đòi hỏi các chủ thể quản lý phải tiến hành đồng bộ, nghiêm túc và có trách nhiệm cao.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số có vai trò đặc biệt quan trọng trong nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

QL GDPL PN vùng DTTS là QL việc thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức các hoạt động GDPL, giáo dục pho PN vùng DTTS nhận thức đúng và tự giác thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, của Đảng, Nhà nước, các quy định pháp luật của địa phương. GDPL cho PN vùng DTTS là một nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân vùng DTTS trong giai đoạn hiện nay.

Trong những năm qua công tác GDPL và quản lí GDPL cho PN vùng DTTS của huyện Võ Nhai đã đạt được những kết quả nhất định. Đa số các cán bộ làm công tác GDPL, cán bộ quản lí đều có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác GDPL cho PN vùng DTTS. Tuy nhiên, nội dung hoạt động và hình thức tổ chức GDPL cho PN vùng DTTS chưa phong phú, vẫn còn nhiều hạn chế. Việc sử dụng các biện pháp quản lý GDPL cho PN vùng DTTS của huyện còn chưa đồng bộ, chưa linh hoạt và đạt hiệu quả chưa cao.

Đề xuất được 5 biện pháp Quản lý GDPL cho PN vùng DTTS huyện Võ Nhai: *1. Nâng cao nhận thức về QL GDPL cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp; 2. Bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL; 3. Hoàn thiện các điều kiện pháp lý phục vụ công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS; 4. Phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS; 5. Xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng GDPL cho PN vùng dân tộc thiểu số và tổ chức khảo nghiệm yêu cầu chuyên gia về những biện pháp do luận văn đề xuất.* Kết quả cho thấy các biện pháp được khẳng định mang tính cần thiết và khả thi cao.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên**

Nghiên cứu có chính sách hỗ trợ cho cán bộ cơ sở làm công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng DTTS nói chung, phụ nữ vùng DTTS nói riêng.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức thành viên Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp.

Xây dựng bộ tài liệu chuẩn cho các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số theo từng nhiệm kỳ, có cập nhật, bổ sung kịp thời những kiến thức, kỹ năng mới.

### **2.2. Với UBND cấp xã**

Làm tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công của thành viên Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL trong thực hiện các hoạt động giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

### **2.3. Với đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật**

Không ngừng học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo (1998), *Một số khái niệm quản lý giáo dục*, Trường cán bộ quản lý Giáo dục TW1, Hà Nội.
2. Bộ Tư pháp (1999), *Quyết định số 210/1999/QĐ-BTP ngày 9/7 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành qui chế báo cáo viên pháp luật*, Hà Nội.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở của khoa học quản lý*, NXB CTQG, Hà Nội.
6. Điều lệ Hội LHPN Việt Nam - năm 2012.
7. Phạm Minh Hạc (1986), *Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục*. NXB GD, Hà Nội.
8. Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich (1997), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
9. Hà Sĩ Hồ, Lê Tuấn (1987), *Những bài giảng về quản lý trường học*, (tập 2, 3), NXB Giáo dục.
10. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2002), *Phụ nữ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2010), *Tổng hợp kết quả nghiên cứu năm 2008*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
12. Đặng Thành Hưng (2010), "Bản chất của quản lý Giáo dục", *Tạp chí KHGD*, số 60 Tháng 9, Hà Nội.
13. Inpeng Younkham (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Bolykhamstay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội.
14. Khamhieng Phomemasith (2014), *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức ở tỉnh Phông Sa Lỳ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội.

15. Nguyễn Văn Lê (1995), *Khoa học quản lý nhà trường*, NXB TP HCM.
16. Dương Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp - hình thức đặc thù của giáo dục pháp luật*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
17. M.I.Konzacov (1994), *Cơ sở lý luận của khoa học quản lý*, Trường Cán bộ quản lý giáo dục TW1 và Viện KHGD.
18. Nguyễn Ngọc Quang (1986), *Một số khái niệm cơ bản về quản lý giáo dục*, Trường cán bộ quản lý giáo dục TW1, Hà Nội.
19. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
20. Nguyễn Bá Sơn (2000)- *Một số vấn đề cơ bản về khoa học quản lý*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Trần Quốc Thành (2000), *Khoa học quản lý đại cương*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
22. Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Tính (2015), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục - đào tạo*, NXB Đại học Thái Nguyên.
24. Dương Thành Trung (2016), “*Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
25. *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, năm 1997, tr. 467, 742.
26. Đào Trí Úc (chủ nhiệm) (1995), *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX 07-17, Hà Nội.
27. Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai (2015), *Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2015*.
28. Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai (2016), *Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2016*.

29. Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai (2016), *Báo cáo sơ kết 3 năm triển khai thực hiện Luật phổ biến giáo dục pháp luật và tổng kết thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTG ngày 15/01/2013 của Thủ tướng chính phủ.*
30. Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai (2016), *Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2013 - 2016.*
31. Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai (2016), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH huyện Võ Nhai năm 2016.*
32. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1998), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số 92-98-223, Hà Nội.

#### **Các trang web tham khảo**

33. Nguyễn Huệ (2012), *Tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng sâu, vùng xa: Nhiều mô hình, cách làm sáng tạo*, <http://baoquangninh.com.vn>, ngày 17/02/2017.
34. HVC (2016), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong tình hình hiện nay*, <https://quangtrach.quangbinh.gov.vn>, ngày 20/3/2017.
35. Tiến Loan (2014), *Thực trạng và giải pháp trong công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ nông thôn và phụ nữ dân tộc thiểu số trong hệ thống Hội LHPN các cấp*, <http://vungtau.barial-vungtau.gov.vn>, 15/3/2017.
36. Phạm Thị Ngọc Minh (2012), VNU123/7067/1/00050001389.pdf, <http://repository.vnu.edu.vn/>, 20/12/2016.
37. laocai.gov.vn (2016), *Tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật đến đồng bào dân tộc thiểu số là nhiệm vụ quan trọng của công tác dân tộc*, <http://phobienphapluat.cema.gov.vn> ngày 10/02/2017.
38. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (2016), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng tuyên truyền pháp luật cho đồng dân tộc thiểu số*, <http://phobienphapluat.cema.gov.vn>, ngày 10/02/2017.



## **Tài liệu tiếng Nga**

39. Крыгина И.А., *Правовая культура, правовое воспитание и управление правовоспитательным процессом в современном российском обществе*, Диссертация кандидата юридических наук, Ростов-на-Дону, 1999 г.
40. *Общая теория права. Курс лекций* /Под общей редакцией профессора В.К. Бабаева - Нижний Новгород, 1993 г.
41. Почтарь Т.М., *Правовое воспитание в педагогических вузах: вопросы методологии и методики*, Диссертация кандидата юридических наук, М., 2001 г.
42. *Теория государства и права* /Под редакцией Матузова Н. И. Малько А.В., изд. Юристъ, Москва, 2001.
43. Теория государства и права, Правовое воспитание в Российской Федерации//Авторский коллектив: Allpravo.Ru (thông tin có tại [http://allpravo.ru/library/doc108p0/instrum3996/item3998.html#\\_ftnref5](http://allpravo.ru/library/doc108p0/instrum3996/item3998.html#_ftnref5), truy cập ngày 15/10/2014).
44. Стреляева В.В., *Правовое воспитание в условиях становления правового государства*, диссертация кандидата юридических наук, Московский университет МВД России, 2008.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

#### PHIẾU XIN Ý KIẾN

##### Về thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS

(Dành cho lãnh đạo quản lý cấp ủy, chính quyền địa phương; cán bộ quản lý chủ chốt cấp xã; cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách Hội LHPN các cấp...)

Để có cơ sở đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số hiện nay, kính mong đồng chí vui lòng trả lời một số câu hỏi được nêu dưới đây. Mỗi câu hỏi có kèm theo các phương án trả lời khác nhau; phương án nào phù hợp với suy nghĩ của mình, xin đồng chí đánh dấu X vào ô bên cạnh.

**Câu 1: Đồng chí nhận thức thế nào về giáo dục pháp luật ?.....**

.....

.....

.....

.....

**Câu 2: Theo đồng chí, phụ nữ dân tộc vùng thiểu số cần được giáo dục những nội dung kiến thức pháp luật nào?**

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Luật Hôn nhân và gia đình			
2.	Bộ luật Lao động			
3.	Luật Đất đai			
4.	Bộ luật Hình sự			
5.	Bộ luật Dân sự			

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
6.	Luật Khiếu nại tố cáo			
7.	Luật Bình đẳng giới			
8.	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình			
9.	Luật Nuôi con nuôi			
10.	Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế			
11.	PL về dân số, kế hoạch hóa gia đình			
12.	Pháp luật về phòng chống tội phạm			
13.	Pháp luật về phòng chống ma túy			
14.	Pháp luật về phòng chống mại dâm			
15.	Pháp luật về dân chủ cơ sở			
16.	Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em			
17.	Luật Giáo dục			
18.	Pháp luật về hộ tịch, hộ khẩu			
19.	Pháp luật về bảo vệ rừng			
20.	Pháp luật về môi trường			
21.	Pháp luật về chính sách dân tộc			
22.	Pháp luật về an toàn giao thông			
23.	Pháp luật khác (xin nêu cụ thể)...			

**Câu 3. Tại địa phương đồng chí, những nội dung kiến thức pháp luật nào đã được phổ biến, giáo dục cho phụ nữ?**

TT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Luật Hôn nhân và gia đình			
2.	Bộ luật Lao động			
3.	Luật Đất đai			
4.	Bộ luật Hình sự			
5.	Bộ luật Dân sự			
6.	Luật Khiếu nại tố cáo			
7.	Luật Bình đẳng giới			
8.	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình			
9.	Luật Nuôi con nuôi			
10.	Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế			
11.	PL về dân số, kế hoạch hóa gia đình			
12.	Pháp luật về phòng chống tội phạm			
13.	Pháp luật về phòng chống ma túy			
14.	Pháp luật về phòng chống mại dâm			
15.	Pháp luật về dân chủ cơ sở			
16.	Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em			
17.	Luật Giáo dục			
18.	Pháp luật về hộ tịch, hộ khẩu			
19.	Pháp luật về bảo vệ rừng			
20.	Pháp luật về môi trường			
21.	Pháp luật về chính sách dân tộc			
22.	Pháp luật về an toàn giao thông			
23.	Pháp luật khác (xin nêu cụ thể)...			

**Câu 4: Đồng chí nhận thức thế nào là QLGDPL ?.....**

.....

.....

.....

.....

**Câu 5: Theo đồng chí, quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số cần quan tâm đến nội dung nào sau đây? (nhiều phương án trả lời)**

STT	Nội dung quản lý	Chọn
1.	Xây dựng kế hoạch	
2.	Nội dung giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS	
3.	Hình thức giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS	
4.	Công tác kiểm tra, đánh giá việc giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS	

**Câu 6. Giáo dục pháp luật cho phụ nữ tại địa phương đồng chí được thực hiện thông qua những hình thức nào dưới đây? (nhiều phương án trả lời)**

TT	Hình thức GDPL	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Tuyên truyền miệng			
2.	Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật			
3.	Hội nghị, hội thảo, tập huấn			
4.	Phát tờ rơi, tờ gấp, sách hỏi đáp pháp luật...			
5.	Sinh hoạt câu lạc bộ			
6.	Qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở			
7.	Tuyên truyền qua băng hình, băng tiếng			
8.	Sinh hoạt hội viên			
9.	Tư vấn lưu động			
10.	Phiên tòa xét xử lưu động			

TT	Hình thức GDPL	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
11.	Trợ giúp pháp lý			
12.	Họp nhóm			
13.	Họp xóm, tổ dân phố			
14.	Thông qua nhóm hội viên nông cốt			
15.	Thông qua gương điển hình			
16.	Thông qua hoạt động hòa giải cơ sở			
17.	Sử dụng tủ sách pháp luật			
18.	Sinh hoạt văn hóa văn nghệ cộng đồng			
19.	Báo, tạp chí, tờ tin			
20.	Hình thức khác (xin nêu cụ thể).....			

**Câu 7. Công tác quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ tại địa phương đồng chí chịu sự ảnh hưởng của những yếu tố nào, mức độ ảnh hưởng? (nhiều phương án trả lời)**

STT	Nội dung	Mức độ ảnh hưởng		
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1.	Cơ chế, chính sách đối với phụ nữ vùng DTTS			
2.	Điều kiện kinh tế, xã hội địa phương			
3.	Phong tục tập quán địa phương			
4.	Trình độ dân trí			
5.	Năng lực cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật			

**Câu 8. Đồng chí cho biết quan điểm của mình về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS?**

Biện pháp	Tính cần thiết			Tính khả thi		
	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
<b>Biện pháp 1:</b> Nâng cao nhận thức về QL GDPL cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp						
<b>Biện pháp 2:</b> Bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL						
<b>Biện pháp 3:</b> Hoàn thiện các điều kiện pháp lý phục vụ công tác quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS						
<b>Biện pháp 4:</b> Phối hợp với Hội LHPN và các cơ quan, đoàn thể địa phương trong giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS						
<b>Biện pháp 5:</b> Xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng GDPL cho PN vùng dân tộc thiểu số						

Những ý kiến khác:.....

.....

Xin đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

Giới tính:.....

Dân tộc:.....

Năm sinh:.....

*Xin chân thành cảm ơn đồng chí đã cho ý kiến!*



## Phụ lục 2

### PHIẾU XIN Ý KIẾN

#### Về thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng DTTS

(Dành cho phụ nữ vùng DTTS)

Để có cơ sở khoa học đề xuất một số biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, xin các chị vui lòng trả lời các câu hỏi được nêu dưới đây. Mỗi câu hỏi có kèm theo các phương án trả lời khác nhau, phương án nào phù hợp với suy nghĩ của mình xin chị đánh dấu X vào ô bên cạnh. Xin cảm ơn!

**Câu 1: Theo chị, phụ nữ dân tộc thiểu số cần được giáo dục những nội dung kiến thức pháp luật nào?**

TT	Nội dung	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Luật Hôn nhân và gia đình			
2.	Bộ luật Lao động			
3.	Luật Đất đai			
4.	Bộ luật Hình sự			
5.	Bộ luật Dân sự			
6.	Luật Khiếu nại tố cáo			
7.	Luật Bình đẳng giới			
8.	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình			
9.	Luật Nuôi con nuôi			
10.	Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế			
11.	PL về dân số, kế hoạch hóa gia đình			
12.	Pháp luật về phòng chống tội phạm			

TT	Nội dung	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
13.	Pháp luật về phòng chống ma túy			
14.	Pháp luật về phòng chống mại dâm			
15.	Pháp luật về dân chủ cơ sở			
16.	Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em			
17.	Luật Giáo dục			
18.	Pháp luật về hộ tịch, hộ khẩu			
19.	Pháp luật về bảo vệ rừng			
20.	Pháp luật về môi trường			
21.	Pháp luật về chính sách dân tộc			
22.	Pháp luật về an toàn giao thông			
23.	Pháp luật khác (xin nêu cụ thể)...			

**Câu 2. Những cơ quan/đơn vị/tổ chức nào dưới đây đã tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật trên địa bàn mà chị được biết hoặc được tham gia?**

TT	Tên cơ quan/đơn vị/ tổ chức thực hiện	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Tư pháp			
2.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc			
3.	Hội Liên hiệp Phụ nữ			
4.	Hội Nông dân			
5.	Hội Cựu chiến binh			
6.	Công an			
7.	Đoàn Thanh niên			
8.	Hội Luật gia			
9.	Ngành Văn hóa, thể thao			
10.	Trưởng xóm, bản, tổ dân phố			
11.	Tổ chức khác (xin nêu cụ thể)....			

**Câu 3. Chị đã được tham gia hoạt động giáo dục pháp luật thông qua hình thức nào dưới đây?**

TT	Hình thức	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Tuyên truyền miệng			
2.	Thi tìm hiểu pháp luật			
3.	Hội nghị, hội thảo, tập huấn			
4.	Phát tờ rơi, tờ gấp, sách hỏi đáp pháp luật...			
5.	Sinh hoạt câu lạc bộ			
6.	Qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở			
7.	Tuyên truyền qua băng hình, băng tiếng			
8.	Sinh hoạt hội viên			
9.	Tư vấn lưu động			
10.	Trợ giúp pháp lý			
11.	Họp nhóm			
12.	Họp xóm, bản, tổ dân phố			
13.	Thông qua nhóm hội viên nòng cốt			
14.	Thông qua gương điển hình			
15.	Thông qua hoạt động hòa giải cơ sở			
16.	Sử dụng tủ sách pháp luật			
17.	Sinh hoạt văn hóa văn nghệ cộng đồng			
18.	Báo, tạp chí, tờ tin			
19.	Hình thức khác (xin nêu cụ thể).....			

Những ý kiến khác:.....  
 .....  
 .....  
 .....

Xin chị vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

Năm sinh:..... Dân tộc:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

*Xin chân thành cảm ơn chị đã cho ý kiến!*

### Phụ lục 3

## PHIẾU XIN Ý KIẾN

### Về việc xây dựng kế hoạch; nội dung, hình thức, công tác kiểm tra quản lý GDPL cho phụ nữ vùng DTTS

(Dành cho lãnh đạo quản lý cấp ủy, chính quyền địa phương; cán bộ quản lý chủ chốt cấp xã; cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách Hội LHPN các cấp...)

Để có cơ sở đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý công tác giáo dục pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số hiện nay, kính mong đồng chí vui lòng trả lời một số câu hỏi được nêu dưới đây. Mỗi câu hỏi có kèm theo các phương án trả lời khác nhau; phương án nào phù hợp với suy nghĩ của mình, xin đồng chí đánh dấu X vào ô bên cạnh.

STT	Nội dung	Ý kiến trả lời			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
<b>I</b>	<b>Quản lý GDPL cho PN vùng DTTS</b>				
1	Vai trò của công tác GDPL cho PN vùng DTTS				
2	Kết hợp nhiều hình thức quản lý khác nhau				
3	Tài liệu phục vụ công tác				
4	Việc lựa chọn người làm công tác tuyên truyền GDPL				
5	Việc hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác GDPL cho PN vùng DTTS				
<b>II</b>	<b>Quản lý xây dựng kế hoạch GDPL cho PN vùng DTTS</b>				
1	Cách thức triển khai xây dựng kế hoạch				
2	Nội dung của kế hoạch bám sát yêu cầu tuyên truyền và nhu cầu của người cần được tuyên truyền				
3	Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ các ngành liên quan đến công tác GDPL cho PN vùng DTTS				

STT	Nội dung	Ý kiến trả lời			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
4	Tính khả thi của các biện pháp thực hiện				
<b>III</b>	<b>Quản lý tổ chức, chỉ đạo triển khai nội dung GDPL cho PN vùng DTTS</b>				
1	Các văn bản pháp luật về hôn nhân, gia đình				
2	Các văn bản pháp luật về Bình đẳng giới				
3	Các văn bản pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em				
4	Các văn bản pháp luật về phòng chống, tội phạm tệ nạn xã hội				
5	Các văn bản pháp luật về dân tộc, tôn giáo				
6	Một số văn bản pháp luật về các vấn đề khác...				
<b>IV</b>	<b>Quản lý hình thức GDPL cho PN vùng DTTS</b>				
1	Hình thức tuyên truyền miệng				
2	Tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật				
3	Xây dựng các mô hình tại cơ sở; sinh hoạt các câu lạc bộ				
4	Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và hoạt động hòa giải ở cơ sở				
<b>V</b>	<b>Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS</b>				
1	Công tác lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS				
2	Việc xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá				
3	Phối hợp các ngành tham gia kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác GDPL cho PN vùng DTTS				
4	Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá GDPL cho PN vùng DTTS				
5	Khảo sát nhận thức về pháp luật của PN vùng DTTS để đánh giá hiệu quả công tác GDPL				

Những ý kiến khác:.....

.....

.....

Xin đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

Giới tính:.....

Dân tộc:.....

Năm sinh:.....

*Xin chân thành cảm ơn đồng chí đã cho ý kiến!*